

# NỖ NIỀM THÔNG CẢM VÀ TIẾNG VỖ TAY CHO NHÂN VẬT MIMI CỦA DƯƠNG NHƯ NGUYỄN (Uyen Nicole Duong)

## DƯƠNG NHƯ NGUYỄN

Trích từ “Buru Thiếp Của Nam”

Đây là bản dịch Lời Nói Thêm (Postscript) đăng phần cuối của cuốn tiểu thuyết. Lời Nói Thêm này tiêu biểu cho thể nhận định văn chương.

Original written in English By G.B. A. Nash

Tóm tắt tiểu thuyết ngắn “Buru Thiếp Của Nam” của DNN:

Mỹ Châu, tên Mỹ là Mimi, một nữ luật sư trẻ ở Hoa Thịnh Đốn, trong nhiều năm, nhận được buru thiếp vẽ nguệch ngoạc bằng tay từ một người bí mật. Nàng bắt đầu đi tìm tác giả của những tấm buru thiếp đó. Cuộc hành trình đi tìm tác giả những buru thiếp này đem Mỹ Châu về với quá khứ tuổi thơ ở Việt Nam. Điều gì đã làm con người bí mật nào đó gửi những tấm buru thiếp cho Mỹ Châu mà không hề mong được nàng trả lời? Người đó là ai? Họ có biết nhau không, trong quá khứ, dù hiện tại họ không hề gặp nhau, và có thể sẽ không bao giờ gặp nhau trong tương lai?

Lời giới thiệu: BTCN là một tiểu thuyết rất ngắn. Trong đó có rất nhiều ẩn dụ và biểu tượng. Tất cả những ẩn dụ và biểu tượng tính văn chương này được đọc giả G.B.A. Nash nhìn thấy trong tác phẩm.

\*\*\*

I. Con đường của một người viết tiểu thuyết và gánh nặng văn hóa:

Tôi biết Mimi từ lúc tác giả vẫn còn vật lộn với bản thảo quá dài. Mimi được ra đời trên con đường viết văn rất cổ điển theo triết lý viết của Nhà Văn-Nhà Giáo lão luyện Robert Olen Butler. Mimi không cần cấu trúc. Nàng ra đời khi tác giả đã vào vô thức. Thời buổi này, không ai viết văn như Tolstoy cả. Chiến Tranh và Hòa Bình thời đại này sẽ không ăn khách. Cũng không ai đọc nổi. Đừng nói chi đến việc đọc giả trong thế kỷ mới này được đo lường bởi máy computer và khả năng “click.”

Vậy mà Mimi đã ra đời. Buru Thiếp Của Nam đúng nghĩa là một “tiểu thuyết ngắn” dưới 100 trang đánh máy. Cuốn sách kể lại nguyên kinh nghiệm Việt Nam: từ đời sống trong ngõ hẻm của Saigon thời thập niên 1960s, cho đến cá tính đặc biệt và tương phản của một đứa bé trai và một đứa bé gái thời đó, mãi cho đến cuộc đổi đời 1975, cuộc vượt biên kinh hoàng, thảm trạng của Thuyền Nhân Việt, sang đến đời

sống văn minh của một nữ luật sư ở thủ đô Hoa Kỳ, hành trang của cô trở về xứ mẹ, có tất cả những xung đột của đời sống di dân người đứng ngoài không ai biết: tất cả những phức tạp của con người trong suốt một thế kỷ.

Câu hỏi đầu tiên tôi đặt ra là tại sao tiểu thuyết bắt đầu bằng những chi tiết tỉ mỉ về nơi Mimi sống. Tòa nhà mang tên Parc Royale? Có dính dáng, quan trọng gì đến cốt truyện? Khi viết tiểu thuyết, người viết có thể làm ba việc: kể lại,



mô tả hoặc diễn giải. Cuốn tiểu thuyết này vận dụng cả ba thể loại - Tường thuật, Mô tả, và Diễn đạt. Ông thầy viết văn Butler sẽ bảo chúng ta rằng trong nghệ thuật tiểu thuyết, đừng bao giờ thuật hay kể, mà chỉ nên mô tả. “Cho độc giả thấy, đừng bắt độc giả nghe giảng giải ” là phương châm của tiểu thuyết gia.

Barthes and Foucault, hai nhà nghị luận hiện đại mà không ai hiểu nổi, đã nói với chúng ta điều này (chúng ta nghĩ phiên phiên là họ nói như vậy, vì người bình thường ai mà hiểu được thực sự hai anh chàng rất “siêu” này nói cái gì???): Theo Barthes và Foucault, công việc tự diễn giải là điều cấm kỵ mà tiểu thuyết gia không bao giờ nên làm. Vì khi tác phẩm ra đời, tác giả phải chết đi, để độc giả được sinh trưởng (Death of the Author).

Vậy mà, ở đây, để có được một tác phẩm ngắn hơn 100 trang, nhân vật Mimi bị tác giả cho làm việc diễn giải. Một truyện nhỏ trong một truyện lớn hơn, lồng trong một truyện đáng lý ra là tràng giang đại hải - câu chuyện rất dài của người di dân Việt Nam. Tất cả gom lại trong một tiểu thuyết rất ngắn, dưới 100 trang đánh máy.

\*\*\*

Tòa nhà Parc Royale quan trọng cho nhân vật Mimi vì trên con đường đi tìm “Nam,” Ở đây, nghệ thuật mô tả đã được tác giả dùng triệt để. Tòa nhà Parc Royale là cái “thăm” nơi độc giả đã tìm thấy Mimi. Đó là một tòa nhà giả tạo, công trình của một kiến trúc sư, một hình thức ảo vọng. Tòa nhà bắt chước kiến trúc vùng biển Nam nước Pháp, miền ôn đới. Nhưng thật ra tòa nhà nằm trong thành phố oi bức Houston xứ cao bồi Texas của khí hậu sa mạc. Chúng ta biết ngay ở đầu tiểu thuyết rằng thế giới của Mimi giả tạo như thế đó. Tất cả chỉ là thủ thuật bắt chước được tạo dựng bởi kiến trúc sư, trừ khoảng thời thơ ấu rất Việt Nam của Mimi. Không có gì giả tạo ở trong đó.

Những tấm “Buru Thiếp” trở thành cái gạch nối giữa những khoảng đời đã vỡ, đã bị ngăn ra, để vào các học tủ, đầu dưới từng lớp chân đạp (như Mimi đã cho chúng ta biết). Những mảnh đời có tính tách rời như thế làm sao có thực, cũng

chẳng khác nào sự giả tạo của Parc Royale? Các tấm “Buru Thiếp” trở thành thực tại độc nhất, nếu thực tại có nghĩa là các mảnh đời đó có thể nối liền được với nhau. Nhu cầu quay lại với thực tại và nối lại những mảnh đời – đây là thực tại độc nhất nằm bên cạnh cái giả tạo của Parc Royale -- tất cả trở thành nền cho ta mừng rỡ trông thấy trước con đường đi tìm Nam của Mimi.

\*\*\*

Hình ảnh được mô tả tỉ mỉ (gần như nhàm chán) của Parc Royale có thể làm độc giả VN nhớ đến Võ Phiến. Tác giả cho tôi biết như vậy khi bà đặt dấu chấm cuối cùng vào bản thảo. Năm 1999. Tác giả có cố tình bắt chước Võ Phiến không? (Về sau, tác giả thay đổi hẳn, không mô tả tỉ mỉ nữa, mà chỉ “thuật lại” con đường trốn thoát của Nam, tóm tắt như một ký giả). Nhà Văn Võ Phiến của VN (một người mà tôi không hề biết) chỉ hiện ra khi tác giả và tôi ngồi nói chuyện. Lúc đó tác giả không còn là người viết văn, mà là độc giả cũng như tôi. Bà đã tìm thấy Võ Phiến khi đọc lại chương đầu của cái gì bà đã viết.

Tôi đoán là chưa chắc tác giả đã thần tượng gì nhà văn Võ Phiến nào đó của văn chương tiếng Việt, mà bà cũng chẳng viết tiếng Anh với Võ Phiến trong đầu, vì viết tiểu thuyết đối với bà quả đúng là một hành trình vô thức. Thứ tự kể chuyện tự nhiên mà thành vậy, với Parc Royale được mô tả tỉ mỉ trong chương đầu. Độc giả như tôi có nhiệm vụ suy nghĩ xem tại sao. Là độc giả, tôi phải dùng chặt sáng tạo trong tư tưởng để gây nên chu trình diễn giải văn chương của chính mình.

Thời tôi thì đường lối viết văn bằng vô thức của Uyen Nicole Duong khiến bà trở thành học trò bất đắc dĩ của Nhà Văn Bob Butler, cho dù bà không học lớp của Bob. Vậy mà, trong chương 7, Uyen (DNN) đã phải cố gắng diễn giải tính phức tạp của nhân vật “Bác Diên,” thế giới của ông ta, những động cơ của việc ông ta làm. Đây là một chu trình diễn giải và phân xét mà tác giả Uyen gọi là “Câu Chuyện Rashomon của Việt Nam.” [Rashomon là câu truyện của Nhật Bản về cái chết của một người. Ai là thủ phạm, tất cả các nhân chứng, ngay cả hồn ma của nạn nhân, đều

chỉ nói tốt cho mình. Những lời khai trương phản. Không ai biết sự thật như thế nào...]

Điều làm cho tôi thú vị là tác giả đi vào thế giới của “Bác Diên” hoàn toàn bằng lời đối thoại của hai nhân vật. Tác giả vắng bóng hoàn toàn. Để cho hai nhân vật tự mô tả bằng lời nói chuyện với nhau. Vậy thì tại sao tác giả còn phải cố tình diễn giải bằng cách cho chúng ta biết bà đã so sánh thế giới của người di dân thế hệ thứ nhất với câu truyện Rashomon? Trong tiểu thuyết, con chim uyên tưởng tượng của Mimi đã hát bài “Rashomon, Rashomon, Rashomon” ngoài cửa sổ nhà Bác Diên? Tại sao?

Khi tôi phân tích những phương trình viết tiểu thuyết này (mà các nhà giáo dạy văn chương sáng tạo luôn nói tới), trong trường hợp cuốn tiểu thuyết rất ngắn của DNN/UND, tôi linh cảm được gánh nặng văn hóa của người viết văn gốc Việt phải sống giữa hai thế giới khác nhau. Trong tất cả các tiểu thuyết gia gốc Việt, viết bằng Anh Ngữ, chỉ có Uyên đã vẫn còn lưu luyến thế giới cũ. Vì sao thế? Tôi hỏi bà. “Đó là vì tôi đã yêu thương và kính trọng bố mẹ của mình,” bà nói.

Làm sao sống được giữa hai thế giới trái ngược với nhau như vậy? Cách độc nhất là bà phải nhúng tay vào chàm – vết chàm tối kị của nghệ thuật tiểu thuyết: không nên lý luận, giảng giải, mà chỉ nên mô tả. Cho độc giả thấy bằng mắt, nghe bằng tai, cảm nhận bằng tay, bằng da, không cần thiết phải diễn giải. Vậy mà ngay chính giữa cuốn tiểu thuyết ngắn, DNN/UND cực chẳng đã, phải cố tình diễn giải bằng cách cho con chim Uyên ngoài cửa nhà “Bác Diên” hát lên vở kịch “Rashomon” của Việt Nam (chương sáu được tác giả đặt tên là “Rashomon—vấn đề danh dự” – a question of honor), dù rằng bà viết theo phương trình vô thức (không viết nhập; không mô hình trước, bà giải thích với tôi như vậy).

## II. Hành trình của một họa sĩ:

Nhân vật Nam là biểu tượng của nghệ thuật mà Uyên đã tạo nên. Nghệ thuật ấy được biểu tượng thêm bằng tình yêu không trọn vẹn giữa hai đứa trẻ con rất ngây thơ, trong ngõ hẻm rất xa xăm của Việt Nam ngày trước. Chủ đề tình yêu

con nít đã được viết đến rất nhiều. Cái gì khác biệt ở đây? Chính là cái “tắm tắm” trung thực cho tình yêu ấy ngự trị lên trên: con ngõ hẻm đông đúc của xã hội Việt nam hiền lành, khác hẳn với thế giới xa hoa mà giả tạo của Parc Royale. Con hẻm chân thực nhất của tất cả những gì chân thực trong thế giới này, đã được Uyên mô tả lại bằng ngòi bút rất nhạy cảm của bà.

Ở đây, tác giả – người đã tạo dựng ra Mimi – dùng nghệ thuật ẩn tượng và không còn mô tả tỉ mỉ nữa để cho chúng ta thấy con hẻm thần tiên của tuổi thơ. Nước mưa nhiệt đới chảy dài lên lan da ngây thơ của tuổi nhỏ tắm mưa trong hẻm nghèo chẳng khác gì vì bánh bông lan trên đầu lưỡi của Proust. Trong con hẻm đó, có những người đàn bà ngồi chồm hòm, nước mưa trên mặt nhựa nóng hổi, có đứa trẻ con cứng đầu vùng chạy, có bà ngoại già vẫn còn trường giả, có ông giáo nho nhã thư sinh lại đi làm thợ hồ, có người vợ trẻ đau lên đau xuống, có những người đàn bà mang bầu lê la, có mùi hương oi bức của đất, có ngôi mộ bỏ hoang của người khách trú, và có niềm sợ hãi bất an của Mimi. Trong nỗi lo sợ ấy, Mimi đã tìm thấy sự yên ả che chở của mái nhà. Tất cả cũng nhờ ngọn gió tình yêu của Nam.

Rất khó cho tôi phân loại Nam là nhân vật chính hay nhân vật đối tác của nhân vật chính, trong ngôn ngữ của nhà phê bình văn học – protagonist; antagonist. Tưởng cũng nên nêu ra rằng dù là nhân vật gì chẳng nữa, Nam chẳng nói gì nhiều cho chúng ta nghe trực tiếp. Nam chỉ viết vài câu, nói vài câu, và vẽ khá nhiều. Thậm trạng xảy ra cho anh và thế giới tâm linh của anh được mô tả qua lời nói của những nhân vật khác, như Mimi và ngư ông KiKi. Điều này rất điển hình trong văn chương của DNN/UND: nghệ thuật, kỹ thuật, cũng như cấu trúc bằng tiềm thức. Lời nói quan trọng nhất chính là nhân vật không bao giờ nói trực tiếp với độc giả. Có thể Nam chỉ là “tấm ảnh trong gương” của các nhân vật khác mà thôi: cá nhân mà Ngư Ông muốn thấy, và Mimi muốn thấy.

Tuy vậy, cuốn tiểu thuyết ngắn này là truyện kể về Nam, họa sĩ. Là một họa sĩ, Nam có những ước muốn rất to lớn. Anh ta muốn vẽ và gửi bưu

thiếp toàn thế giới. Đây là tham vọng cuối cùng của hệ thức toàn cầu hóa. Ôi một tham vọng to tát biết bao, nói ra thì lại rất giản dị. Bru thiếp ở đây chính là căn cước và sở hữu của Nam, để cho Nam được bộc lộ chính mình là một họa sĩ không biên giới. Bru thiếp do đó đã trở thành tiếng nói của cả một dân tộc, của cả một văn hóa quảng bá ngoài biên giới.

Còn điều chi khác nữa? Nam là một đứa trẻ khôn ngoan, giỏi giang, rất thông minh. Hãy nhìn những gì cậu ta đã làm: kiếm tiền trong ngõ hẻm, tìm cách đi vào mua thức ăn xa xỉ phẩm của xã hội Saigon, gọi đó là bằng chứng của trái tim biết yêu. Ta có thể hỏi điều này có thực hay không? Không tin được nếu chỉ là một đứa bé trai tâm thường, nhưng Nam không phải là một cậu bé tâm thường. Đây là một cậu bé thiên tài, một thiên tài không biết mình là thiên tài, cho nên bị cô bạn gái làm phách rất coi thường (độc giả nên nhớ rằng, Nam có thể trở thành một đầu bếp nấu món ăn Pháp, một tay chơi cờ bạc có hạng sẽ đánh bại các bạn ở Las Vegas bất cứ lúc nào). Trong thời buổi tranh tối tranh sáng của một nước Việt Nam đang đổi chủ, anh ta đã di chuyển về miền cực nam của bán đảo, rồi làm thế nào để cứu đứa em trai khỏi bàn tay man rợ của một lũ quái vật...

Vâng, ngoạn mục như vậy đó, rút cục cậu Nam của chúng ta cũng không chết.

Cậu bé Nam đẹp hơn tất cả những cái đẹp tả được bằng ngòi bút, đến nỗi mà cậu ta đã trở thành “trân châu trên cát trắng” (chương 7 – Rare Pearl on White Sand) – sự sống tiềm tàng đã làm cho cậu ta thoát chết, trong mâu nhiệm của biển xanh. Nam đã biến thành nghệ thuật. Ở nghĩa này, tiểu thuyết đã trở thành một tác phẩm của siêu thực và của truyện kể huyền bí – surrealist drama; fantasia, rất điển hình cho thế giới sáng tác của DNN/UND, con người viết văn mà tôi đã quen biết. (Đọc Bồng Ma Hà Tây chẳng hạn, tiểu thuyết siêu thực và huyền bí cùng một tác giả). Độc giả không giải phẫu tác phẩm siêu thực để coi truyện kể có thực tế hay không. Độc giả phải nhìn tác phẩm với niềm tin tuyệt đối, tin vào Nam, và tin vào Mimi – những giá trị nhân bản mà hai nhân vật này mang đến cho chúng ta. Nam

chính là “kẻ anh hùng của thảm trạng” trong ngôn ngữ của thế giới tiểu thuyết – tragic hero.

Đứa bé trai bé bỏng đã can đảm tuyên bố một câu hứa hẹn. To tát như chính tham vọng của cậu. Câu hứa đó là cậu sẽ bảo vệ Mimi suốt đời. Để trở thành người gác cửa cho kho tàng văn hóa của Mimi: cậu hứa sẽ trông coi bà ngoại trưởng giả, bà ngoại đã bị bỏ rơi và gạt phăng ra khỏi xã hội chủ nghĩa trong cuộc thay đổi chính trị ở Việt Nam. Nói một cách ví von, Nam đã làm câu hứa của Từ Hải, người hùng văn chương của Việt Nam (Đây là điều mà tác giả tạo ra Mimi đã kể cho tôi nghe—câu chuyện của Từ Hải, khi tác giả không còn mặc áo nhà văn).

Ấy thế, nhưng Nam lại là một cá nhân nhỏ bé không may mắn, trước con người, trước Thượng Đế, trước quái vật, trên biển xanh mênh mông của năng nhân ngư Mimi, khi năng bơi ngược dòng để tìm người yêu lý tưởng. Nghệ thuật có tồn tại được không? Trong câu nói ngậm ngùi của Ngư-Ông-Và-Biển-Cả của Đông Nam Á, thưa vâng, vâng, nghệ thuật đã sống còn. Nam đã sống còn.

Nhưng rút lại, người họa sĩ của chúng ta lại dẫy chết và Ngư Ông cũng đã phải thành thật mà cho chúng ta biết điều đó. Trí nhớ và kỷ niệm đau thương có thể làm nghệ thuật chết dần mòn. Nam đã trở thành người chiến bại. Thảm trạng đã nuốt chửng lấy chàng, và chàng đã đầu hàng, xuôi tay để cho thảm trạng cứ tiếp tục nhắc lại, xảy ra, trên chính thân thể con người. Nam đã phải thăng hoa thảm trạng bằng cách sống vì gia đình và sống trong giấc mộng dang dở về người đẹp của lòng mình, Mimi, để được thoát thân ra ngoài thảm trạng.

Người sống còn thật sự chính là người con gái thần tượng của lòng Nam: Mimi của chúng ta. Nàng đã phải tạo dựng lại tất cả những tấm bu thiếp, con hèm cũ của Saigon xưa, trong một thế giới hỗn loạn không thể có được sự phân minh đen trắng và trong oan nghiệp của sự phân xét luân lý bởi những nhân vật của thế hệ di dân thứ nhất. Để trở về với nguồn cội, Mimi đã phải đi gặp những con người như Bác Diên và nhà báo Đạt, những bí mật họ giữ hoặc che đậy trong đầu,

tất cả được rí tai , truyền miệng, nói xấu và công kích. Trong căn bản là tiếp tục thảm trạng của thế giới hỗn loạn như nạn nhân Đức Quốc Xã hay bãi thây ma của Cam Bốt.

Chỉ có một cách độc nhất để đem lại chiến thắng và thành công cho cậu bé Nam, người anh hùng bi thảm của chúng ta: Đó là việc Nam đã cứu sống đứa em trai. Ở đây, Nam đã trở thành Sisyphus, người lăn trái núi của ý thức hệ Tây Phương. Nam là Sisyphus cho Thuyền Nhân Việt. Anh ta đã tạo dựng lại thảm trạng không bao giờ chấm dứt cho chính mình, với đời sống ở châu Á, vì sao? Lời giải thích độc nhất của một nghệ sĩ tự đẩy dọa chính mình là ở chỗ cậu ta đã cứu đứa em. Tiếp là bằng chứng thành công của Nam. Tiếp cũng đã phải quên để sống. Nam trở thành liều thuốc quen cho Tiếp. Cũng như Mimi, Tiếp đã trở thành một di dân ổn định vì cậu đã biết quên. Đây là chiến công lớn nhất và khó khăn nhất của Nam. Chiến công đó đã trở thành hình phạt mà cậu đã tự làm cho chính cậu. Ôi, thương thay con người Sisyphus của Thuyền Nhân Việt Nam.

### III. Tình yêu và bi kịch:

Nhà phê bình Tây Phương có thể sẽ nói rằng tiểu thuyết ngắn này là một bi kịch kiểu Hy Lạp – Greek Tragedy. Vậy mà, tác phẩm cũng chính là truyện kể của tình yêu lãng mạn. Tình yêu lãng mạn là cứu cánh trong môi trường hỗn loạn. Cái vườn địa đàng của tình yêu là con hẻm đồng đúc bình dân của xã hội Saigon trước ‘cộng sản giải phóng.’ Hai đứa trẻ. Một tình thân. Rồi sau đó thảm trạng phủ lên đầu để chia ly hai trẻ, cho đến khi ở Parc Royale giả tạo, cô gái nhỏ muốn quay về. Tình yêu, từ trong căn bản, theo lời phán quyết của các vị thần Hy Lạp, đã được tạo sẵn rồi, tự nó đã ích kỷ và sở hữu hóa. Nam có thể xa Tiếp, cái chiến công to tát nhất của Nam, để Tiếp có thể quên, nhưng với Mimi thì không. Bắt buộc Nam phải lấy lại cho được những kỷ niệm với Mimi, cho chính mình, trước khi chàng bước xuôi. Lời kêu gọi của tôn giáo, ở tuổi trung niên, đối với người nghệ sĩ như Nam, chính là khai tử, vì mặc dầu cậu sẽ không còn là Sisyphus lăn trái

núi, bắt đầu nơi yên bình chính là quyết định xa vắng sự nổi lửa của tình yêu.

Sau đó chúng ta, độc giả, hiểu rằng sẽ không còn buu thiếp nữa. Mimi sẽ phải tạo dựng lại đời sống của mình sau khi biết bí mật của Nam. Sự ra đời của một tiểu thuyết gia kể chuyện cuộc đời của họ, tình yêu của họ, kinh nghiệm di dân của họ, là sự nổi lửa để Mimi được sinh trưởng, nhưng đồng thời cũng là cái chết yên bình của Nam. Thả cho chim uyên bay đi tức là tạo con đường sáng tạo. Vậy mà, ở đó, chúng ta nghe thấy thoang thoang có tiếng nói của chính tác giả qua nhân vật Mimmi về “Thuyết Có-Không” của Phật Giáo.

Như thế, tác giả tạo dựng ra Mimi nói với tôi: khi bà tạm bằng lòng cho dịch tựa truyện là “Buu Thiếp CỦA Nam,” bà miễn cưỡng mà chấp nhận rằng tựa truyện nói lên sở hữu chủ: những tấm buu thiếp là CỦA Nam. Nam đã tạo ra chúng. Nam đã dùng chúng làm căn cước. Bây giờ thì không còn là tiếng nói trừu tượng của một tập thể. Hay một nơi chốn. Mà chính là tiếng nói CỦA Nam. Nam muốn chiếm lại kỷ niệm thời thơ ấu. Chàng đòi hỏi quyền được Yêu – Claim to Love. Bài Ca cho quyền Sống – Hymn to Life. Ở nghĩa này, Nam làm sao chết được? Nam sẽ không bao giờ chết. Nam đã trở thành sức sống của Mimi.

Trước khi tuyên dương quyền được sống và được sở hữu (dùng những buu thiếp), thì Nam là một cá nhân hoàn toàn vị tha. Tình yêu cho đi không điều kiện. Cậu bé đã cho Mimi từ thức ăn, tuyệt hảo, cho đến sự tôn thờ thần tượng khi cô bé trình diễn đàn piano. Sự săn sóc nàng không bao giờ hết, và lòng tôn sùng thì vô điều kiện. Cậu bé để cho cô bé được tự do. Cô nàng chẳng bao giờ bị làm phiền cả. Rút cục chỉ là một cậu bé thôi, ở chỗ đứng khiêm nhường, ở con hẻm không màu mè sang trọng gì cả. Để cho Mimi được bay cao trong những tham vọng con nít về tương lai đầy hứa hẹn – cô bé sẽ trở thành một thiếu nữ quốc tế!

Có lý tưởng quá không? Dĩ nhiên là rất lý tưởng. Có thực tế không? Có tin được không? Dĩ nhiên là rất tin được. Trong tuổi thơ hồn nhiên, tất cả lý tưởng đều có thể thực hiện được. “Đó là

Đà Lạt của một ai đó. Huế của tôi. Saigon của chúng tôi. Thiên đàng đã mất của Proust.” Tác giả tạo dựng ra Mimi giải thích với tôi như vậy.

#### IV. Điểm tới hậu của cuộc hành trình: Sự Thật

Mimi là biểu tượng của việc chúng ta đi tìm sự thật. Là một cá nhân rất lý trí, nàng đã lý trí hóa con đường đi tìm Nam, dẹp tất đi con người lý tưởng trong chính nàng. Tất cả những tấm bưu thiếp đó trở thành cái cầu cho nàng đi đến sự thật. Nhưng, trong công tác đi tìm sự thật, nàng lại đi theo tiếng gọi của tình yêu – cái gì thiếu thốn trong đời sống Bắc Mỹ, che đậy bởi sự quên lãng về tuổi thơ và sự sụp đổ của Saigon. Bị kích của chính nàng chưa được kể cho chúng ta nghe trong tiểu thuyết ngắn này nhưng tác giả đã hé mở cho chúng ta thấy một chút: Cái gì đã làm nàng quên mất Nam là ai?

Nhân đây, cũng cần nói: trong phương trình xây dựng nhân vật Mimi, tác giả cho chúng ta thấy sự trưởng thành của cô bé gái được giới thiệu vào thế giới cơ cực của phụ nữ. Tại sao lại tả tỉ mỉ cảnh tượng nhà thương Từ Dũ – một sản đường của Saigon, ở đó Mimi đã mừng rỡ thấy thế nào là sinh đẻ và chết chóc (người mẹ xảy thai, đứa bé chưa ra đời, linh hồn của bào thai – tất cả là những vấn đề cấp bách tâm linh của xã hội Bắc Mỹ bây giờ???)

Chúng ta được cho thấy cái nhìn lý tưởng về tình yêu ngây thơ chính là cảnh đem Mimi vào thế giới của “đời là bể khổ,” của những người đàn bà nghèo đói của xã hội Á Châu chậm tiến. Ở sản đường, trí tuệ của Mimi đã trở thành thế giới của đàn bà. Cô bé gái đã “đàn bà hóa.” Là những độc giả suy luận, chúng ta thấy cảnh sản đường có thể chỉ là phương tiện tả cảnh mà các tiểu thuyết gia Tây Phương gọi là “một miếng bánh của đời sống” -- slice of life. Thế nhưng, nếu chúng ta trở thành những độc giả “nhập cảm ngâm ngùi,” chúng ta sẽ thấy cô bé gái Mimi trong ngày hôm đó, ở sản đường, đã bị “đàn bà hóa” trong trí tuệ. Ngày thơ đã mất đi rồi.

Và tác giả lại cho chúng ta thấy ẩn tượng ngôi mộ bỏ hoang của người khách trú: đây là cảm nhận đầu tiên của Mimi về kiếp tha hương.

Linh hồn vất vưởng của kẻ tha hương, kiếp lữ hành sẽ tìm cách đi về quê cha đất tổ, sau khi đã chôn thân ở xứ người, trong một ngõ hẻm nào đó. Ngâm ngùi làm sao, chua xót làm sao, nỗi “đàn bà hóa” của cô bé gái, trong chỉ một ngày, và nỗi buồn “đi dóm” về ngôi mộ hồn ma khách trú, của buổi chiều chạng vạng tối, qua ngòi bút rất thực tế của tác giả, viết như một ký giả.

Có cần phải bi thảm hóa gì nữa không? Không, đó mới là nghệ thuật tiểu thuyết. Tác giả không cần phải nói lên cho chúng ta thấy, Mimi của Bắc Mỹ, người đàn bà đã trưởng thành, có nhận ra rằng, rồi mai đây, chính cô cũng sẽ như người khách trú kia, chết và chôn ở Bắc Mỹ, xa hẳn cái ngõ hẻm xa xăm của tuổi thơ. Đó là bổn phận của chúng ta, những độc giả xúc tích, ngâm ngùi. Chúng ta cần phải ngâm nghĩ về hành trình vô thức của người viết tiểu thuyết. Những ẩn dụ, tất cả cũng chỉ là hành trình của chu trình sáng tạo vô thức mà thôi. Chẳng hạn như ý nghĩa của ngôi mộ hoang, người khách trú chôn thân xứ người, nằm cô đơn trong con hẻm của thủ đô Saigon....

Những nét vẽ khi ẩn tượng, khi tỉ mỉ của tiểu thuyết này cho chúng ta thấy cái to tát của bản thảo lúc đầu, trước khi tiểu thuyết ngắn được ra đời. Chúng ta hiểu kỹ về nhân vật Mimi, y hệt như Mimi đã sinh ra hiểu kỹ về những tấm bưu thiếp trên con đường đi tìm sự thật. Con đường ấy dẫn cho Mimi đến con chim hót Rashomon về Việt Nam và thế giới di dân. Thế giới của những nhân vật như Bác Diên và “Thăng Đạt Khốn Nạn” nào đó – Diên và Đạt, tác giả cho tôi biết, đã tạo thành hiện tượng “tự do ngôn luận” của thế giới di dân thế hệ thứ nhất – đó có phải là cái giá phải trả cho một cuộc di dân khổng lồ?

Rồi ngoài kia, lại có thêm nhân vật David Dougherty, người đứng ngoài không nhập cuộc, tiêu biểu cho dòng chính của nước Mỹ không lồ. Con người của dòng chính, con người đã làm ơn cho Mimi trên con đường đi tìm sự thật. Ẩn nhân đa dụng đó, không màng tới, chỉ đoán hoài một chút thôi. Chỉ một chút thôi.

Cái gì tạo nên vũng chầy, yên bình như chất xúc tác, như lọ keo làm dính lại những mảnh vụn? Có tiếng nói người mẹ của Mimi. Đó là tiếng nói

vỗ về, xoa dịu. Bà giúp, bà an ủi, bà giảng nghĩa vài câu. Và bà phục hồi. (lúc nào cũng chỉ ở trên điện thoại mà thôi). Đây là “phương tiện” rất hữu hiệu của tác giả, người viết tiểu thuyết. Phải có một nhân vật bà mẹ qua điện thoại, như thể ngòi bút của tác giả mới đối phó được với nỗi nhọc nhằn của văn hóa. (Ở film ảnh Tây Phương, “phương tiện” này đôi khi thể hiện ở nhân vật “một người bạn gái” nào đó của nhân vật chính.)

Cuối cùng chúng ta không thể bỏ qua được sự chọn lựa có ý thức rất rõ ràng của tác giả. Không có gì “tiềm thức” hay “vô thức” cả ở điểm này. Con đường đi tìm sự thật của Mimi đem nàng đến câu chuyện Rashomon của xã hội di dân – câu chuyện kinh hoàng nhất mà con chim Uyên phải hót: khoảng trống tối đen, sự bất định, không gian tranh tối tranh sáng, không rõ rệt, đầy ác ý. Người nghệ sĩ và kẻ đi tìm chân lý lúc nào cũng phải cố gắng nương theo tiếng gọi vương giả?, ở một nơi chốn có thể rất xấu xa và đầy đe dọa, nỗi nhọc nhằn mà ngòi bút di dân bắt buộc phải cu rư mang. Ngòi bút có thể mạch lạc, mà cũng có thể tắc nghẽn. Cái giá phải trả để sống còn và để tái tạo cuộc đời, cho nghệ sĩ di dân, chính là cái nhà tù văn hóa – the imprisonment of culture. Điểm sáng rõ rệt độc nhất, chỉ còn là TÌNH YÊU mà thôi. Nhưng TÌNH YÊU cũng có thể không trọn vẹn, cho dù Nam, cậu bé, đã đứng lên đòi lại quyền sở hữu chủ của mình: cái gọi là chia xẻ, cùng chung Dĩ Vãng và Kỳ Niệm. (Cả chung Dĩ Vãng và Kỳ Niệm cũng là ý nghĩa của chữ “Đồng Hương” -- compatriot)

Giữa Nam và Mimi, tối thiểu một người phải sống còn. Thật sự sống còn, trong cái toàn mỹ của Nghệ Thuật. Đó là Mimi.

Và vì thế bài viết này là tiếng vỗ tay cho nàng Mimi biểu tượng của tất cả chúng ta. Còn người đi tìm sự toàn mỹ trong nghệ thuật.

A tribute to Mimi.  
G.B.A. Nash  
8/2009

**DƯƠNG NHƯ NGUYỄN**

## TÌNH EM ĐẸP MÃI MỘT BÀI THƠ

Em có chạnh lòng nhớ tới anh  
ở một nơi nào mới gần đã rất xa  
và nơi ấy chưa bao giờ thực sự của đôi ta  
Anh thoáng bơ vơ trong mộng ước thừa nào xanh  
đã chẳng còn gì ngoài em với  
tháng ngày chờ đợi  
để gì giữ được.  
một màu xanh trên cánh đồng  
tuyết trắng cỏ khô  
để dành cho mùa Xuân tới

Em có chạnh lòng nhớ tới anh  
với thời gian chẳng còn nhiều cho đôi ta  
anh vẫn đợi một buổi em về thay áo  
đợi một niềm vui sắc nhọn như mũi kim

Em có chạnh lòng nhớ tới anh  
tối tình riêng rất âm thầm hay đã căm  
mỗi phút qua đi như một tiếng thở dài  
và trong mắt em, anh tìm lại vóc dáng thời gian

Dù đá mòn sông cạn  
qua sông còn nhớ lớp sương mù  
anh vẫn về ngắm trăng hướng cũ  
vẫn quạnh hiu từng hạt cát, đường đi  
vẫn không tìm được người yêu năm trước

Em có chạnh lòng nhớ tới anh  
để anh về cuốn lấy em trong đôi tay giá lạnh  
để tình em đẹp mãi một bài thơ.

**VIỆT BẰNG** (San Jose, CA.)

# SÁNG TẠO VỀ NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH VÀ HỘI HỌA

## NGUYỄN SƠN

Có nhiều người hỏi tôi: “Anh là Hòa Sĩ và cũng là nhiếp ảnh thì anh cho biết sự khác biệt sáng tạo giữa nhiếp ảnh và hội họa không?”. Tôi xin trả lời theo sự hiểu biết của tôi, và những kinh nghiệm đã trải qua với tôi giữa hai ngành, mà tôi đã học và đã làm nhiều năm.

Sáng tạo trong Nhiếp Ảnh cũng như sáng tạo trong Hội Họa đều giống nhau. Người Họa Sĩ sáng tạo tranh Nghệ Thuật bằng sơn dầu, cọ vẽ, vải bố, dầu cá. v.v..

Người Nhiếp Ảnh sáng tạo một bức ảnh Nghệ Thuật bằng máy ảnh Digital, ống kính, kính lọc và Programm Photoshop.

Còn tranh hoặc ảnh có Nghệ Thuật hay không còn tùy vào mắt nhìn và khối óc, tài năng cùng với kiến thức rộng của người Nghệ Sĩ đó.

Còn phần trên đã ghi chỉ là dụng cụ để giúp người Nghệ Sĩ sáng tạo mà thôi.

Một tác phẩm Nghệ Thuật được đánh giá cao thường là tác phẩm có tính cách sáng tạo. Và người nghệ sĩ sáng tạo cần có một kiến thức rộng để tác phẩm của mình được tán thưởng và có giá trị hơn.

Ốc sáng tạo đòi hỏi ở nhiếp ảnh có khả năng tưởng tượng, cách nhìn bén nhạy, nếu không sẽ không có được những tác phẩm độc đáo, vì hình ảnh chỉ thoáng qua trong giây lát mà thôi.

Ở Hội Họa đòi hỏi người nghệ sĩ có khả năng ghi nhận thật bén nhạy, người nghệ sĩ có được cảm giác chân thật và bắt buộc phải phải

hợp màu sắc thật gọn gàng nhanh chóng, nhờ vậy mới ghi lại được những giờ của ánh sáng và những năm tháng ngày và mùa.

Người nghệ sĩ cần có một tâm hồn nhạy cảm và trái tim rung động trước mọi cảnh vật.

Nghệ Thuật là hài hòa, hài hòa là làm sao cho giống nhau những gì trái ngược và những gì tương tự ở sắc độ, ở sắc loại, ở đường nét, xét theo chủ sắc của tranh, ảnh và tùy theo tác động của ánh sáng để đạt tới sự hòa hợp vui tươi, yên tĩnh hay buồn bã,

-Như những sắc độ trái ngược là sáng và tối.

-Những sắc loại trái ngược màu chính và màu bổ túc.

-Những đường nét trái ngược đường thẳng và đường góc thẳng.

-Sắc độ vui dùng chủ sắc sáng.

-Sắc loại vui dùng chủ sắc nóng.

-Đường nét vui dùng những đường chạy lên trên đường chân trời.

-Sắc độ yên tĩnh, sáng và tối bằng nhau.

-Đường nét yên tĩnh, đường ngang bằng đường chân trời.

-Sắc độ buồn bã dùng chủ sắc tối.

-Sắc loại buồn bã dùng chủ sắc lạnh.

-Đường nét buồn bã dùng đường ngã nghiêng.

Người Họa Sĩ dùng thủ pháp của mình bằng những đường cọ vẽ và trình độ pha màu sắc để đạt được những yếu tố trên, để người thưởng thức cảm nhận được.

Người Nhiếp Ảnh phụ thêm bằng Photoshop để chỉnh đổi lại ánh sáng màu sắc theo những yếu tố trên để người thưởng



thức tán thưởng và cảm nhận được.

Kiến thức rộng giúp cho người nghệ sĩ am tường mọi thứ, mọi vật để đạt để hay dùng Photoshop không bị trái ngược, có đôi khi trái ngược một cách phi lý mà người ta thường nói là tác giả không am tường mọi việc.

Hiện nay có người không đồng ý về vấn đề dùng Photoshop cho nhiếp ảnh Digital.

Theo tôi ngày xưa người dùng máy chụp Film 35mm người làm nghệ thuật phải dùng phòng tối để rửa Film và cắt ráp, sửa chữa cho ánh sáng theo ý mình.

Ngày nay dùng máy ảnh Digital thì dùng Photoshop để chỉnh hình ảnh ánh sáng cắt ráp theo ý mình đó là chuyện thường. Một tấm ảnh nghệ thuật là nghệ thuật, chứ không ai đòi hỏi là có làm Photoshop hay không có làm. Hay đã ráp nối sửa chữa trong phòng tối. Và cũng xin đừng có lẫn lộn chụp ảnh nghệ thuật với những hình ghi nhận, tài liệu, báo chí, tin tức bằng hình ảnh. Nếu là hình ghi nhận, tài liệu, báo chí, tin tức bằng hình ảnh. Xin đừng sử dụng Photoshop.

Ai cũng có một cặp mắt giống nhau, nhưng cái nhìn khác nhau. Khác nhau ở sự nhận thức. Nhận thức nhiều hay ít còn ở kiến thức rộng và sự học hỏi về chuyên môn nữa. Một người có hiểu biết về nhiếp ảnh hay hội họa nhìn cảnh vật khác với người bình thường, hoặc nhìn tranh ảnh cũng khác với người bình thường, vì họ nhìn thấy có nhiều cái hay cái lạ và những điều thích thú trong tranh ảnh mà người thường chỉ nhìn thấy đẹp xấu trong ý thích cảm nhận của mình mà thôi. Khi đứng trước một cảnh vật, đôi khi người bình thường không thấy cái hay cái đẹp trong đó và cho là xấu, nhưng có người lại chụp lia chụp lịa. Tại sao? Vì họ nhìn được cái xấu cái đẹp người ta gọi là cái nhìn khám phá, để đưa ra một tác phẩm.

Có nhiều người mới học chụp ảnh xin cùng đi chụp ảnh với tôi, Họ nói đi từ sáng đến giờ mà chỉ có chụp được vài hình đẹp mà thôi, vì không tìm thấy cảnh vật đẹp, còn

tôi sao mà chụp lia chụp lịa chụp nhiều thế? Bộ thấy không tốn Film nên chụp như vậy. Khi về nhà đưa lên máy để xem, thì vài tấm đẹp mà họ nghĩ là đẹp rồi cũng không đẹp, nhìn thấy tùm lum đủ thứ nằm trong đó. Còn tôi, họ nói nhìn thấy một bãi cỏ mà ông ấy vẫn chụp, như thế mà bây giờ thì thấy cọng cỏ đọng sương với ánh sáng lóng lánh và lại đẹp, lạ thật. Và cũng có người nói: Sao cùng cảnh đó hằng năm tôi thấy và chụp ảnh nó, mà sao hình không đẹp giống ông ấy? Lại có người hỏi tôi, anh chụp máy nào mà đẹp thế? Để tránh những sai lầm đó. Trước khi chụp mình phải biết chụp cái gì? Chủ đề gì? Góc độ nào chụp tốt nhất. Lấy cái gì, cần loại bỏ những gì. Lúc đầu mới tập chụp còn bối rối khi đứng trước một cảnh vật, nhưng từ từ sẽ quen và làm theo sự phản xạ nhuần nhuyễn có khi trong một nháy mắt là xong. Điều quan trọng là chế ngự được máy ảnh của mình để sử dụng nó cho chính xác.

Cần sự học hỏi để bổ túc thêm những gì mình đã biết. Sự học là vô tận không bao giờ hết. Và đừng nghĩ và ỷ là mình biết rồi, không chịu học thêm, và đừng đổ lỗi cho kỹ thuật mới. Lỗi là mình không chịu khó học.

**Nguyễn Sơn**  
(Germany)

Một bài viết ngắn gọn của Nhạc Sĩ Phan Ni Tấn đã cho chúng ta một ý niệm về người Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh: *Thiên nhiên, con người, tình yêu, hạnh phúc và khổ đau, cái đẹp và cái xấu...mọi góc cạnh mọi ngóc ngách của cuộc sống muôn màu muôn vẻ ở quanh ta được chụp bằng đôi mắt bén nhạy, ghi lại bằng tâm hồn nhạy cảm và trái tim rung động của người nghệ sĩ sau ống kính. Những hình ảnh chụp ấy, những khoảnh khắc ấy, có khi thành thiên thu, đọng lại rất lâu trong lòng người, một bức ảnh "nói" nhiều hơn sách báo trong sách. Xin hãy lắng mình để nghe các bức ảnh nói với ta điều gì.*

# TÌNH YÊU VÀ TỰ DO:

## Bài thơ gửi người yêu viết trong ngục của Richard Lovelace (1618-1658)

### PHẠM TRỌNG LỆ

#### Vài dòng tiểu sử Lovelace:

Thi sĩ người Anh, sinh trong một gia đình dòng dõi quý phái, giàu có, đẹp trai, tính tình dễ mến, nhưng cuối đời chết trong cảnh bần hàn. Ông thuộc phe Bảo hoàng, ủng hộ Vua Charles đệ nhất. Vì vậy được coi như thuộc nhóm nhà thơ gọi là CAVALIER POETS (chữ “cavalier” trong trường hợp này chỉ những người thuộc phe Bảo hoàng của Vua Charles I). Ông là tác giả những bài thơ ca ngợi tình yêu, vẻ đẹp, và lòng trung giữa vua tôi. Ông học ở Đại Học Oxford năm mới 20 tuổi. Khi Vua Charles và Hoàng Hậu Henrietta Maria tới thăm đại học này, vì mến tài ông nên ra lệnh cho trường ban cho ông bằng thạc sĩ (M.A.) danh dự tại chỗ, tuy lúc ấy ông mới là sinh viên cử nhân năm thứ hai. Ông thừa hưởng gia sản lớn của ông cha để lại thuộc vùng Kent, bên Anh. Ông theo Vua Charles I sang Pháp đánh với Quân Tây-Ban-Nha trong trận nội chiến Anh quốc giữa phe Bảo hoàng và phe nghị viện Parliament của Oliver Cromwell, bị thương khi bị vây ở Dunkirk, trở về Anh, bị bắt bỏ tù vì tội lập kiến nghị xin bảo vệ một số giám mục. Trong tù, ông viết tập thơ tặng người yêu lấy tựa đề là Lucasta (1649) (Lux Casta, tiếng Latin nghĩa là Pure Light—“Tinh quang”—ánh sáng tinh khiết.) Người yêu sắp cưới là nàng

Lucy Sacheverett, trở trêu thay, sau khi nghe tin ông bị thương, tưởng ông chết, đã lấy chồng khác. Sau khi ở tù ra, của cải bị khánh kiệt vì giúp phe Bảo hoàng, ông không dám nhờ bạn bè, xấu hổ, đi nhật đồ ăn thừa, sống như một kẻ ăn mày. Nhưng thơ ông viết rất kỹ, sửa đi sửa lại nhiều lần, nhiều bài có nhạc đã được các nhạc sĩ nổi tiếng thời đó như Henry Lawes, John Wilson, phổ nhạc. Như đã nói ở trên, hai lần ông bị tù; thơ ông phản ánh cuộc đời sóng gió của ông. Năm 1642, khi ông mới 24 tuổi, trong tù, ông viết cho người yêu bài thơ được phổ nhạc dưới đây, mà đại ý là tuy sống trong cảnh tù tội, mà người đời cho là mất tự do, nhưng theo ông, tình yêu và lòng trung thờ vua đã đem lại cho ông một niềm tự do mới; vì, theo ông, “những bức tường đá chẳng làm nên nhà tù, những chấn song sắt chẳng làm nên xà-lim,” nơi đó, đối với những người vô tội, và thẳm lặng, thì lại là nơi dành cho nhà tu khổ hạnh. Và, cũng theo ông, nếu ta có tình yêu và tâm hồn tự do thì chỉ có thiên thần trên trời cao mới có thể ví với ta thôi. Bài thơ dưới đây xếp thứ 93, được coi như một trong 100 bài thơ bằng tiếng Anh hay và nổi tiếng nhất. (Theo William Harmon, THE TOP 100 POEMS. The Columbia Book of Poetry. New York: Columbia University Press, 1992, giá \$27.50 bìa cứng, \$14.95 bìa mềm.)

**To Althea, from Prison**

When Love with unconfined wings  
Hovers within my gates.  
And my divine Althea brings  
To whisper at the grates;  
When I lie tangled in her hair  
And fetter'd to her eyes,  
The birds that wanton in the air  
Know no such liberty.

When flowing cups run swiftly round  
With no allaying Thames,  
Our careless heads with roses bound,  
Our hearts with loyal flames;  
When thirsty grief in wine we steep,  
When healths and draughts go free--  
Fishes that tipple in the deep  
Know no such liberty.

When, like committed linnets, I  
With shriller throat shall sing  
The sweetness, mercy, majesty.  
And glories of my King;  
When I shall voice aloud how good  
He is, how great should be,  
Enlarged winds, that curl the flood,  
Know no such liberty.

Stone walls do not a prison make,  
Nor iron bars a cage:  
Minds innocent and quiet take  
That for an hermitage;  
If I have freedom in my love  
And in my soul am free  
Angels alone, that soar above,  
Enjoy such liberty.

**Richard Lovelace, 1649**

**THƯ GỬI NGƯỜI YÊU,  
VIẾT TRONG NGỤC**

Khi Tình như cánh chim bay,  
Vờn trên cửa ngục đêm ngày giam ta.  
Khi em lộng lẫy kiêu sa  
Thầm thì tiếng ngọc bên xà-lim đen.  
Tóc ta đan với tóc mềm,  
Hồn ta trói chặt trong viền mắt nhung.  
Đàn chim bay nhẩy trên không,  
Nào đâu thanh thảo như lòng ta đây.

Khi tay chuyền chén rượu đầy,  
Bồ đào mỹ tửu không tầy rượu tằm.  
Tóc ta vương miện hoa hồng,  
Tim ta ngọn lửa tình chung mặn nồng.  
Đắng cay cạn chén tâm đồng,  
Sức tàn hơi cạn lòng không ngại ngừng.  
Cá kia vùng vẫy ngoài sông,  
Cũng không bay bổng cánh hồng như ta.

Như chim lồng cất tiếng ca,  
Lời ta vun vút sang lòai trời trăng.  
Tình vua hiền dịu bao dung,  
Oai phong lẫm lẫm kiêu hùng vua ta.  
Tiếng ca vang động gần xa,  
Tình vua tận thiện hào hoa muôn đời.  
Gió to sóng lớn bời bời,  
Cuộn dâng nước cả không vời sức ta.

Tường này chẳng phải nhà pha.  
Song kia bịt kín không là xà-lim:  
Lòng ta vô tội bình yên,  
Nhà tù tằm tối thành duyên tu-hành.  
Tình yêu lồng lộng trời xanh,  
Hồn ta thanh thoát trên cành cây cao.  
Thiên thần bay vút trắng sao,  
Cùng ta dám sánh được bao thanh nhàn.

**PTL phỏng dịch, 5/24/93**

**Chú thích:**

Một ấn bản bìa mỏng rẻ tiền nhan đề BEN JONSON AND THE CAVALIER POETS (A Norton Critical Edition, 1974) do Hugh Maclean lựa chọn và nhuận sắc, có 20 bài thơ của Lovelace và các thi sĩ khác trong nhóm Cavalier Poets, đồng thời có các bài phê bình về mỗi thi sĩ trong nhóm này. Muốn nghe thơ của một số nhà thơ trong đó có Lovelace, xin nghe đĩa THE ENGLISH POETS 6 SOUND RECORDING (London: Longman Group, 1979). Có một bài thơ của Richard Lovelace, tựa đề “The Grasshopper” (con cào cào). Trong bài thơ này con cào cào được coi như hình ảnh của “thần thơ nơi đồng ngô”, nhạc



sĩ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên cho loài người mà Plato trong cuốn Phaedrus, 259, đã kể là các nàng thần thơ (muses) khi cất tiếng ca, mê lời ca đến nỗi quên ăn bị đói lả mà chết, hồn trở thành những con cào cào, ngụ ý thi-ca-sĩ (poet-singer) cũng như những con cào cào đem cả đời mình ra làm thơ cho loài người. Bài này được giảng kỹ cùng bối cảnh lịch sử của bài thơ trong bài khảo luận của D.C. Allen đăng trong Modern Language Quarterly, XVIII (1957), 35-43 và cũng được in lại trong cuốn Ben Jonson and the Cavalier Poets nêu trên, pp. 570-577.

(Viết tại Virginia—PTL)



**SANG ĐÔNG, ảnh NGUYỄN SƠN (Germany).**

# MỘT TIẾNG NÓI NHÂN-BẢN, MỘT TÂM TÌNH QUỐC GIA

## Tâm Việt

Tôi nghe thấy có người than rằng Virginia càng ngày càng giống Cali, có nghĩa là cộng-đồng mình năng động quá nên vào một cuối tuần có nhiều sinh-hoạt chen chân nhau quá, người yêu văn nghệ có muốn đi dự cũng đôi khi cảm thấy khá khó xử khi đứng trước một sự lựa chọn giữa hai sinh-hoạt giá trị như nhau. Đó là một trường-hợp như ta thấy ngày hôm nay.

Tuy-nhiên, trong một nghĩa nào đó thì tôi lại rất vui là chúng ta có tình-trạng này. Nó tỏ rõ là cộng-đồng chúng ta vẫn còn nhiều tin tưởng, vẫn lạc-quan về văn-học Việt-nam ở xứ người. Đây nhé, ta thử nghĩ xem. Nếu mỗi cuối tuần chúng ta có hai vụ ra mắt sách thì một năm ta đã có đến 104 cuốn sách tiếng Việt được giới-thiệu đến độc-giả rồi không. Đó là dùng một con số trung-bình thôi chứ tính một cách sít sao thì như cuối tuần trước, ta đã có tới 6 cuốn sách được giới-thiệu trong hai ngày, từ nghiên cứu về Truyện Kiều đến sách dạy tiếng Việt theo một phương-pháp mới, từ một tập truyện sáng-tác đến biên-khảo về tư-hữu trong chiến-tranh VN. Rồi ta lại có sách về ảnh nghệ-thuật và nay là tạp-ghi của Huy Phương.

Cứ xem đó thì rõ ràng là sách tiếng Việt của ta ở hải-ngoại khá phong phú. Cứ thử tưởng tượng, nếu ta chăm đọc và một năm đọc được 100 cuốn sách tiếng Việt thì chắc chắn cái vốn liếng chữ nghĩa và hiểu biết của ta cũng giàu lên hẳn, và mười năm ta cũng

đọc được đến 1000 cuốn, nghĩa là đúng chữ “thiên kinh vạn quyển” của các cụ ngày xưa khi nói về một con người thuộc loại “thông kim bác cổ.”

Cũng đừng nghĩ khoảng 100 cuốn sách ta được thấy ra mắt trong vòng một năm ở một địa-phương (như Washington) đã là hết sách hải-ngoại trong năm ấy. Chẳng nói gì xa, trong năm biết bao nhiêu sách ta nghe thấy ra mắt rầm rộ ở vùng khác mà chưa thấy ra mắt ở vùng mình đủ tỏ là độc-giả miền Đông cũng chưa được giới-thiệu đầy đủ các sách nổi tiếng đã xuất bản trong năm. (Tỷ như mấy cuốn sách dây cộm của tác-giả Lâm Lễ Trinh hay hai cuốn cuối cùng và bán rất chạy của tác-giả Nguyễn Tiến Hưng, người ở ngay vùng mình.)

Thành thử ta phải coi như một phép lạ là 35 năm sau khi mất miền Nam, người viết bị búng ra khỏi môi-trường thiên-nhiên của nó, tức thị-trường sách báo ở trong nước, mà chữ nghĩa VN vẫn còn “sống hùng sống mạnh” (trong một nghĩa nào đó) như thế này ở hải-ngoại, đó là chuyện đáng để cho chúng ta nghiên cứu và mổ xẻ.

Để cho một cuốn sách có sức sống của nó, không thể chỉ có tác-giả mà đủ. Nó đòi hỏi phải có thính-chúng của nó nữa, nghĩa là sách phải có độc-giả. Có nghĩa là không những chỉ tác-giả còn tin ở chữ nghĩa VN, muốn nuôi dưỡng nó, đập vào truyền-thống văn-học nước nhà mà còn có nghĩa là có một thính-chúng ở ngoài kia, một số độc-giả nào đó còn tìm đọc sách tiếng Việt, thưởng thức những cái hay cái đẹp tìm thấy trong sách

Việt, và do đó nuôi giữ một nền văn-học hải-ngoại khác với ở trong nước và biết đâu đó, đó lại có thể là nền văn-học tiên-phong trong tiếng Việt hôm nay.

Ta chỉ cần nhìn vào một thí-dụ mới đây thôi ở nước người để hiểu tôi đang nói gì. Mới gần đây thôi, Bộ Giáo-dục của Liên-bang Nga cho in lại cuốn *Quần-đảo ngục-tù* (“The Gulag Archipelago”) của Solzhenitsyn dưới dạng paperback để đưa vào chương-trình trung-học ở Nga. Nói về cuốn này, Thủ-tướng Nga Putin cho rằng đây là một cuốn sách học-sinh cần đọc và phải đọc nếu muốn hiểu lịch-sử cận-đại của Nga, và có người khác còn nói, nếu dân-tộc Nga không muốn lập lại những lỗi lầm khủng khiếp của thời Stalin, thời Cộng-sản. Nên nhớ, cuốn *Quần-đảo ngục-tù* là một sản-phẩm của văn-học Nga lưu vong, viết ra sau khi tác-giả của nó, ông Solzhenitsyn, bị đẩy ra khỏi nước.

### Văn-học H.O.

Có điều lạ là không ít sách mới ra và nổi tiếng sau này lại đến từ những ngòi bút H.O. Đó là trường-hợp của *Hồi ký Võ Long Triều* (mới ra tập I do Người Việt xb), của *Nửa thế kỷ Việt Nam* của Song Nhị (nhà xb Cội Nguồn ở San Jose), của *Việt Nam trong chiến tranh tư hữu* của tác-giả Nguyễn Cao Quyền (nhà xb Tiếng Quê Hương ở Virginia) và hôm nay, của *Hạnh phúc xót xa* của Huy Phương (nhà xb Nam Việt).

Không hiểu đây có phải vì sự kiệt quệ hay ít nhất cũng mỗi một của các tác-giả sang đây lớp trước, hoặc đã nghỉ hẳn viết hoặc chỉ còn viết cầm chừng, nghĩa là viết mà không còn cái gì mới nữa để nói.

Trái lại, lớp nhà văn H.O., mới được cầm bút trở lại từ khi ra hải-ngoại vào đầu thập niên 1990 cách đây 20 năm thì coi bộ vẫn còn sung sức lắm. Không những thế, cái

nhìn của họ xem chừng cũng sâu sắc hơn nhờ kinh-nghiệm ở tù CS, phải đấu tranh nhiều năm, hàng ngày, hàng giờ trong âm thầm, không nói ra được, với cái chế-độ dã-man, tội tệt không thể tưởng-tượng nổi (đối với chúng ta là những người may mắn không phải kinh qua những kinh-nghiệm kia) là cái chế-độ ngục-tù của CSVN.

Thành thử không chỉ những người ra ngoài này có cái nhìn bén nhạy, sâu sắc hơn người thường (sau khi được chứng-kiến cả hai chế-độ), ngay cả ở những nhà văn chọn ở lại trong nước sau khi ra tù CS như Thụy Long hay Văn Quang, ta cũng thấy cái nhìn phong phú hơn hẳn ngòi bút của họ khi xưa. Ngòi bút của họ trước khi CS vào thành có thể lãng mạn bay bướm hơn nhưng sau kinh-nghiệm CS, nhất là sau kinh-nghiệm tù đày, thì văn họ sắc lạnh hơn nên không muốn nói là đôi khi “cynic” hơn.

### Tính “nhân-bản”

Nãy giờ, Quý Vị nghe tôi chắc cho là hôm nay NNB lạc đề mất rồi. Bảo là ra mắt sách *Hạnh phúc xót xa* của Huy Phương mà sao chưa thấy nói gì về cuốn sách. Đó là vì cuối cuốn sách chúng ta đã có một bài viết rất chính-xác, viết thật kỹ càng về ngòi bút Huy Phương mang tên “Tính nhân bản trong những tác phẩm tạp ghi của Huy Phương.” Tác-giả bài viết, Tiên-sĩ Nguyễn Kim Quý, bút-hiệu Kim Thanh, ở Portland, Oregon, đã:

Một, đi vào lịch-sử lối viết những bài ngắn ngắn mà đầy ấp tình người trong cả truyền-thống văn-học Tây-phương lẫn VN. Đó là những “essai” của Montaigne ở Pháp hay là “Vũ trung tùy bút” của Phạm Đình Hồ ở xứ ta.

Hai, đưa ra những tỷ-dụ rất cụ-thể về văn-phong của tác-giả Huy Phương trong bốn tập tạp-ghi trước đây của ông, mấy cuốn *Nước Mỹ lạnh lùng*, *Đi lấy chồng xa*, *Ám*

lạnh què người, và Nhìn xuống cuộc đời. Nói cách khác, ông Nguyễn Kim Quý viết theo một quy-cách rất tiêu-chuẩn học-thuật, viết đến đâu là “nói có sách, mách có chứng” đến đó, nói như người Mỹ thường mô-tả, “quoting chapter and verse.”

Ba, định nghĩa rất rõ ràng quan-niệm “nhân-bản” (“humanisme”) mà ông xem như một đặc-trung của ngòi bút Huy Phương.

Bốn, nêu ra được tính-cách phổ-cập, bao quát trong những đề-tài của tác-giả Huy Phương mà ta có thể coi như một thế-giới phong phú không kém cả nghìn trang của Balzac trong “Hài kịch nhân thế” (“La comédie humaine”) của ông.

Năm, làm nổi bật “tâm lòng nhân hậu trùm lấp” của tác-giả Huy Phương, làm cho ông xót xa trước những nghịch-lý của cuộc đời, mà vẫn biết trách những điều bất cập, lỗi lạng của ngay chính chúng ta, dành sự nghiêm khắc nhất cho người CS hiện đang làm tan nát quê hương, con người Việt-nam.

Tóm lại, tác-giả bài viết, ông Nguyễn Kim Quý, đã thấu tóm rất đầy đủ một số chính những điều đáng nói về nhà viết “tạp ghi” Huy Phương, kê cả tại sao ông gọi những tiêu-phẩm của ông là “tạp ghi.” Thành thử tôi thấy có đi vào những chi-tiết của cuốn sách ra mắt ngày hôm nay, cuốn *Hạnh phúc xót xa*, cũng bằng thừa, không nói được gì thêm hơn những điều ông Nguyễn Kim Quý, một độc-giả chi ly, đã nói.

### **Một lối viết của thời-đại**

Do vậy mà tôi xin đến với tác-phẩm và tác-giả bằng một cách tiếp cận khác. Đó là vì sao ta có lối “tạp ghi” và tại sao lối “tạp ghi” ngày nay lại thịnh-hành như vậy?

Chữ “tạp ghi” nghe thật mới, vì nếu tôi không lầm, có lẽ trước Huy Phương ta chưa thấy ai mô-tả những bài viết của mình như

vậy. Chính vì thế mà mới đây, trên show của cô, Victoria Tố Uyên cũng đã xin ngay tác-giả một định nghĩa cho hai chữ đó vì cô sợ tuổi trẻ VN chưa quen với từ ngữ ngày.

Trong văn-học ta đã từng nghe đến những cách viết gọi là “tùy bút,” đề cái ngòi bút hay cái bút lông (ngày xưa) cứ theo tư tưởng ta mà dàn trải. Sau này, khoảng hơn nửa thế-kỷ nay, ta nghe nhiều người mô-tả cách viết của họ là “bút-ký” (như “bút-ký” chiến-tranh của Phan Nhật Nam) hay thậm chí chỉ ngắn gọn là “ký.” Ngày xưa, Vũ Phương Đề có cuốn “Công-dư tiếp-ký” (“Ghi vội trong lúc thành thoi, không phải lo việc công”).

Ngày nay, ta giờ một tờ báo Việt-ngữ ra, không riêng gì ở hải-ngoại, ta sẽ thấy vô số những bài ngắn ngắn, đôi ba trang viết khổ 8 rưỡi 11 này, có thể đọc trong mười mười lăm phút về một đề-tài nào đó. Đó là những cột báo như của Ngô Nhân Dụng trong Người Việt, Bùi Bảo Trúc trong Viet Tide, và Huy Phương trong Thời-báo ở Toronto, Canada. Đó là những tác-giả đã thành danh, có hẳn một số người đọc mền mọ, khi cầm tờ báo lên những người này tìm ngay đến những cột báo ấy. Đó cũng là lý do tại sao một tờ báo thường chỉ có hai ba tác-giả thuộc loại này.

Lối viết này là phó-sản của một đời sống tất bật trong đó ta không có nhiều giờ để nghiền ngẫm một tác-phẩm dài, kiểu trường-thiên. Như tôi được biết, Đô-đốc Elmo Zumwalt, một người rất yêu VN và đã có thời làm đến bộ-trưởng hải-quân Mỹ, chia ngày làm việc của ông ra thành từng khúc 15 phút một. Nghĩa là mỗi 15 phút, ông phải xong một việc gì. Đó, cuộc sống của chúng ta ngày hôm nay, nhất là ở Mỹ, nó dễ bị cắt vụn ra thành như thế.

Trong khi đó thì chúng ta bị tràn ngập thông tin, từ chuyện chiến-tranh hòa-bình đến chuyện linh tinh, ai yêu ai, ai bỏ ai, ai

## CỔ TÍCH

Ta nhớ quen em từ thời cổ tích...  
Thuở đất trời chỉ có chim muông.  
Hoa lá thì thắm, núi rừng cô tịch...  
Và Em-Ta còn chưa biết nỗi buồn..!

Ta nhớ yêu em từ thời sông núi...  
Chỉ biết nghiêng mình đón  
ánh trăng buông...  
Và nắng ấm chưa hoen màu cát bụi.  
Cả đất trời ấp ủ một mùi hương...

Bây giờ ta yêu em...  
Cổ tích xa rồi...thiên đường khép lại.  
Tận cuối trời ta dõi mắt tìm em.  
Sóng tự lòng ta réo gọi từng đêm...  
Cổ tích xa rồi để lại dấu chân chim.

## Thiên Đức (Illinois)

ngủ với ai, rồi chó cắn xe, xe cắn chó...  
Vấn-đề là làm sao lọc được ra cái hay, cái  
quan-trọng trong một mớ thông tin hỗn độn  
như thế? Đó là lý-do tại sao ta cần có những  
người giúp ta tập trung vào những chuyện  
quan-trọng. Vì vậy mà ta tìm đọc những  
người có thể có những suy nghĩ giống ta hay  
ít nhất cũng thuyết phục đối với chúng ta.

### **Đụng chạm văn-hóa**

Nhưng tại sao một người như tôi, một  
người có đầy đủ khả-năng đọc cả tiếng Anh  
lẫn tiếng Việt, lại đi tìm đọc những bài của

Ngô Nhân Dụng hay Huy Phương? Thưa vì  
như một người đọc, tôi có nhu-cầu, vì bối-  
cảnh văn-hóa của tôi (tôi là một người như  
đa-phần chúng ta ở đây, có ít nhất hai nền  
văn-hóa), tôi có nhu-cầu làm cho cuộc sống  
được hài-hòa giữa cái giáo-dục Đông-phương  
mà tôi nhận được từ hồi nhỏ hay trong gia-  
đình và cái môi-trường Tây-phương mà tôi  
đang sống ở trong đó. Đọc một Ngô Nhân  
Dụng hay một Huy Phương, tôi thấy gần gũi  
những quan-tâm của tôi hơn là thuần-túy đọc  
một bình-luận-gia người Mỹ, dù như người  
này có thể nổi tiếng là uyên bác. Đó, đó  
chính là cái thú mà tôi tìm thấy trong khi đọc  
*Hạnh phúc xót xa* và những tác-phẩm khác  
của Huy Phương.

Thành thử theo tôi, đọc Huy Phương ta  
có những cái lợi như:

Một, được đọc những bài gọn ghẽ, đầy đủ  
ý tưởng về một vấn-đề nào đó trong một thời-  
gian không đòi hỏi quá nhiều sự đầu tư thời-  
gian của ta trong một ngày túi bụi, tất bật.

Hai, duyệt lại cái nhìn của ta về những  
đề-tài đó từ một quan-điểm song hay đa-văn-  
hóa, so sánh cái nhìn đó với lối nhìn, lối xét  
sự việc của tác-giả. Tỷ-dụ như trong bài  
“Hey, Brian Đoàn!” là vấn-đề người nghệ-sĩ  
được quyền tự do đến đâu? Hay bài “Gọi  
người yêu dấu” đặt ra vấn-đề có nên hay  
được quyền “đem tên ông bà, cha mẹ, chú  
bác ra mà gọi” con chó trong nhà chỉ vì ta  
thương nó không? “Đối với người Việt  
chúng tôi, chuyện ấy không thể chấp nhận  
được,” tác-giả Huy Phương viết một cách  
khẳng-định. Liệu bao nhiêu người trong  
chúng ta đồng-ý?

Ba, tìm được ra ít nhất một giải-pháp,  
một thái-độ dứt khoát trước nhiều việc nhưc  
óc trong cộng-đồng như chuyện có nên làm  
từ thiện ở VN lúc này hay không, hoặc ta nên  
đối-xử với người già, người thân trong gia-



đình như thế nào khi họ đã đến tuổi ta khó lo liệu được cho ông bà, cha mẹ?

BỐN, ta nên có thái-độ như thế nào dựa trên cái quá-khứ chính-trị và văn-hóa của ta? Ta có quay lưng vào quê hương chỉ vì hôm nay ta đã sang đến Mỹ và có thể coi như là “cắt đứt mọi dây dưa” với quê hương, dân-tộc ta ở quê nhà chăng? Ta có thể dùng dung được với những tệ-nạn ngập trời, ngập đất ở VN chỉ vì người CS đã thắng, đã lên cầm quyền ở VN được không? Và nếu không thì ta cần định nghĩa chỗ đứng và thái-độ của ta đối với quê nhà như thế nào? Dùng dung hay quan-tâm? Mà nếu quan-tâm thì làm được gì?

Phải nói, tác-giả Huy Phương hiểu rất rõ khả-năng của mình. Ông đủ thực-tế để biết, cũng như chúng ta thừa biết, là sống trong một môi-trường văn-hóa mà căn-bản rất khác với nhiều điều chúng ta được học trong quá-khứ, chúng ta khá bất lực, không bẻ ngược được lại những điều “trái tai gai mắt” ta chứng-kiến chung quanh ta. Do đó dù không đồng-ý, chúng ta cũng không cấm cản được nhưng cũng không ai cấm được ta có thái-độ, một thái-độ tự-trọng vì ta chung thủy, không phản phúc, không “qua sông đấm bò” như một thành-ngữ của VN đã mô-tả một cách rất hình-tượng và linh-động.

Do đó nên ông dành những bài đánh thép nhất mắng thẳng vào những kiểu trí-thức hèn hạ như Nguyễn Hữu Liêm đã vì chút danh hão mà quay ra ca tụng “kẻ thù của dân-tộc” là chế-độ ở quê nhà.

Như vậy, nói đến ngòi bút Huy Phương là nói đến một ngòi bút dứt khoát, một ngòi bút kiểu Nguyễn Đình Chiểu, chính tà phân minh, không khoan nhượng. Ông đáng yêu cũng ở chỗ đó, chính vì vậy mà tôi thẳng thừng gọi ông là một ngòi bút Quốc gia—không mặc-cảm, không ngượng ngập. Vì sao? Vì tôi biết là ngày mai, sau khi cái họa

## THIÊN ĐƯỜNG

**Một nơi chưa thấy thiên đường  
Sao em nhắc mãi đoạn trường với tôi  
Cứ đi về chỗ em ngồi  
Nhìn lên cả một bầu trời trong xanh  
Em thừa ánh mắt long lanh...**

**PHAN KHÂM**

CS không còn nữa trên đất nước quê hương tôi, người ta sẽ đọc Huy Phương, như người Nga ngày hôm nay đọc Solzhenitsyn, mà vất vào sọt rác những bài ca tụng CS của một người vô liêm sỉ kiểu Nguyễn Hữu Liêm.

Đó là lý do tại sao 35 năm sau khi chúng ta đi lưu vong vẫn còn những nhà văn viết tiếng Việt, vẫn còn những độc-giả đọc tiếng Việt như hầu hết chúng ta ngồi đây, và văn-học tiếng Việt của chúng ta ở hải-ngoại vẫn còn chỗ đứng vững mạnh của nó như trong hiện-tại. Đây cuối cùng là sản-phẩm của một niềm tin, niềm tin vào ngôn ngữ và chính-nghĩa bất diệt của chúng ta.

Và khi chính-nghĩa đó được viết ra bằng một ngòi bút, hay nói đúng hơn là “ngòi”(?) computer, tài-hoa như của Huy Phương thì chúng ta có được những tác-phẩm để đời.

Đọc trong buổi ra mắt *Hạnh phúc xót xa*  
ở Mason District Government Center

Springfield, Virginia

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

**NGUYỄN NGỌC BÍCH**

# NỢ DUYÊN

## Tiểu Thu

**S**au ba hôm mưa dầm, sáng nay vừa thức giấc, Kim ngạc nhiên vì tiếng chim ríu rít bên ngoài thật vui tai. Cạnh cửa sổ là cây anh đào, hôm nào trời nắng đẹp lũ chim tụ về rất đông. Bước xuống giường, vén màn cửa sổ nhìn ra vườn sau, quả thật, bên ngoài nắng vàng tươi, trên cây đàn chim vừa tung tăng chuyền cảnh vừa hót líu lo. Đã vào tháng năm nên mặt trời mọc sớm, chẳng bù với mùa đông tám chín giờ vẫn còn tối om. Hôm nay thứ sáu nên Kim cảm thấy phấn chấn, vì ngày mai không phải đi làm. Vừa pha cho mình một tách cà phê (tiền được đó, vì thiếu cái món này là Kim cảm thấy uể oải, năng lực đi chơi đâu mất tiêu!), nàng vừa tính toán xem tối nay ăn món gì? - Ừ hôm qua mua được cái đầu cá mú thật ngon, tối nay sẽ nấu canh chua. Canh chua mà ăn với sườn ram mặn thì tuyệt vời! Chỉ cần nấu sẵn nước me, tối về bỏ thêm cá và tất cả đồ phụ tùng như bạc hà, cà chua, dứa, giá sống...vào là xong. Còn món sườn ram phải làm liền sáng nay. Đang đứng rửa mấy cọng rau ngổ, tiếng nước chảy rào rào át tiếng bước chân, đến lúc Tín bước tới ôm lưng vợ, hôn vào cổ Kim mới giật mình, giẫy nảy:

- Coi kia anh. Vợ chồng Raymond thấy, nó cười cho bây giờ.

Tín tỉnh bơ:

- Nó cười thì cứ để cho nó tự nhiên... hờ mờ cái răng!

Kim nguyệt chồng:

- Chỉ có tài nói cù nhầy là hay nhất!

Tín cười, bung tách cà phê Kim đang uống dở lên uống nốt. Kim đưa mắt nhìn sang nhà bên kia, có lẽ giờ này vợ chồng nhà Raymond đã đi làm. Hai người mới mua lại căn nhà phía sau nhà nàng độ hai năm nay. Hai mảnh vườn được ngăn bởi một hàng rào gỗ, nhưng bên Kim sân cỏ, còn bên kia họ lại trồng xi măng, chỉ chừa một ít đất để trồng hoa và rau cỏ. Tuổi hai người cũng xấp

xỉ vợ chồng nàng, nhưng không con. Nhìn cách đối xử, Kim đoán họ yêu thương nhau thấm thiết. Ngoài giờ làm việc, thời gian còn lại họ dành cho việc săn sóc căn nhà và chăm sóc... lẫn nhau! Căn nhà họ bóng lộn từ trong ra ngoài như một đồng xu mới ra lò. Mùa hè hai người hầu như sống ngoài trời. Kim nhớ hè năm ngoái, hái được một rổ cà chua to tướng, thấy họ đang dùng bữa với một đám bạn bè, Kim đến bên rào, nhón chân lên gọi Raymond, định biểu một ít. Chẳng ngờ tên này cười toe đáp lễ "Rất cảm ơn, nhưng tôi cũng có độ bốn năm chục quả, định biểu ông bà một mớ đây". Thế là hai bên cùng cười xòa. Thôi thì cả ai nấy ăn vậy! Có hàng xóm tốt bụng cũng dễ chịu...

Đến văn phòng Kim lại làm cho mình ly cà phê khác, vì ly buổi sáng đã bị Tín thanh toán sạch. Nhìn ra ngoài trời, Kim nhủ thầm:

- Nắng đẹp như vậy chắc "cá" lặn hết tron! Bữa nay đồ khô hai thầy trò chi ngồi giữ chùa, ngập vật!

Ngoài cửa chợt có tiếng trẻ con khóc, rồi tiếng rít lên của một bà mẹ. Kim đưa mắt nhìn ra, không ngạc nhiên lắm, vì những gia đình Haitien vẫn hay ồn ào như vậy. Người đàn bà còn trẻ, cao lớn, da đen sậm, lộ sênh sệch một nhóc tí độ bốn năm tuổi, nước mắt đầm đìa, đến trước mặt Kim. Nàng có cảm giác như đã gặp thiếu phụ này ở đâu đây? Bỗng người đàn bà reo lên:

- Kim, có phải mày không? Mimoso đây. Cách đây mấy năm tụi mình làm chung ở hãng nữ trang Keyes đó. Không ngờ gặp lại mày ở đây. Mày vẫn không thay đổi, nên tao nhận ra ngay.

Kim cũng reo lên, mừng rỡ:

- A, tao nhớ ra rồi. Hồi xưa có lần mình ngồi cạnh nhau. Chúa ơi, mới đó mà đã bốn năm rồi! Mày còn làm ở đó nữa không?

Mimoso cười, khoe hàm răng đều đặn trắng như ngà:

- Nghỉ rồi. Sau mày độ hai năm. Vừa đi làm vừa chân ba đùa nhỏ, cực quá tao nghỉ luôn ở nhà. Mày biết không, lúc mới có hai đứa tao bảo thôi mà thằng chồng tao nhất định không nghe. Cho nó đáng đời!

Kim bật cười trước cái lộ trả thù khoẻ ru của Mimoso. Con bé này đáng được liệt vào hạng

"người đẹp" trong nhóm Haitien làm chung hồi xưa. Chả vậy mà con nhỏ xíu xọn Bernadette, bồ chính thức của tên cai Guy (cũng Haitien) cứ háy nguýt nó suốt ngày. Đứng ra con bé này tên thật là Mimose, nhưng Kim cứ gọi nó là Mimosa để nhớ lại những chùm hoa màu vàng thật dễ thương của Đalat năm xưa. Cô nàng tỏ ra rất hài lòng khi nghe Kim giải thích. Nàng hỏi thăm những người trong hãng cũ và được biết ông Deutch, chủ hãng, đã qua đời vì bệnh tim. Kim nhớ rất rõ, ông Deutch người nhỏ bé, lúc nào cũng bận rộn, rình mò nhân viên một cách kín đáo, keo kiệt một cây, nhưng được cái rất quý người Việt-Nam. Người mình vốn siêng năng, khéo tay lại không hay đòi tăng lương. Trong khi đó đám da đen vừa lười như hủi, thỉnh thoảng lại biểu diễn một màn "cầm nhâm" vài món nữ trang về làm của riêng, hoặc bán rẻ lại cho bạn bè. Hãng này sản xuất đồ giả lẫn đồ thật, nhưng giữa khu thật và giả được ngăn bởi một tấm vách lưới. Hai bên nhìn thấy nhau nhưng bắt khả xâm phạm. Đám thợ làm hàng thật toàn tây trắng, chắc chắn rất được chủ nhân tín nhiệm!

Sau khi Mimose về rồi, Kim không khỏi bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm của bốn năm về trước, lúc còn làm ở hãng Keyes...

Vợ chồng nàng được ông anh bảo lãnh qua khá dễ dàng. Nhưng với mảnh bằng văn khoa hồi xưa, giờ chỉ là tờ giấy lộn. Cả cái nghề giáo sư của Tín cũng vậy. Sự giúp đỡ của anh Hải cũng có giới hạn thôi chứ. May sau trong chung cư vợ chồng nàng ở có bác Tâm, được con gái bảo lãnh qua trước Kim hai ba năm gì đó, đang làm ở hãng Keyes. Một hôm vào ngày thứ bảy, Kim lấy métro đi phố tàu, gặp bác cũng đang đợi métro. Bắt chuyện với nhau một lúc mới biết hồi xưa Kim học chung với đứa con gái thứ ba của bác, hiện ở với chồng bên Cali. Nghe Kim than thở về nỗi không tìm được việc, bác sốt sắng khuyên nàng đến hãng Keyes xin. Vì thường gần Noel hãng cần rất nhiều người, mới làm kịp hàng để giao cho các tiệm bán lẻ.

Nghe lời bác, sáng hôm sau Kim đến văn phòng hãng Keyes xin đại, không ngờ họ nhận vào làm ngay. Cô thư ký dẫn Kim vào xưởng làm việc phía sau văn phòng. Vài cái đầu ngẩng lên

nhìn rồi lại thân nhiên cúi xuống làm tiếp. Nhìn tổng quát xưởng rất rộng và chia làm nhiều ngăn. Có độ bốn mươi nhân viên. Chừng mười người Việt, phần còn lại nửa trắng nửa đen. Kim được tên cai da đen dẫn tới ngồi bên cạnh một cô gái Việt Nam, đang ngồi đo, cắt những sợi dây từ trong một cuộn dây to tướng. Hấn cũng đem cho nàng một cuộn như vậy, với cái kim cắt. Giải thích xong hấn bỏ đi. Ngồi cách đó hai dãy bàn, bác Tâm nhìn Kim mỉm cười, tỏ vẻ hài lòng. Nàng cũng cười đáp lại. Cô gái bên cạnh quay sang thì thầm:

- Chắc chị mới đi làm phải không? Đừng lo, cứ làm chăm chỉ là được. Công việc rất nhẹ nhàng. Không biết gì cứ hỏi. Em tên Mai. Kim cũng tự giới thiệu tên tuổi. Nhìn thấy cặp mắt trắng dã của tên cai "chiếu tướng" về phía hai nàng, Mai vội ngồi ngay lại tiếp tục đo, cắt. Đứng 12 giờ 30, Kim giật bản người vì tiếng chuông reo inh ỏi báo hiệu giờ nghỉ trưa. Mọi người đồng loạt đứng dậy, thờ ra khoan khoái. .. Mai nói:

- Tụi mình có nửa giờ ăn trưa thôi đó chị Kim.

Kim gật đầu, nói xin lỗi rồi chạy ngay lại bàn bác Tâm để cảm ơn. Bác cười hiền hậu:

-Cám ơn cái gì! Lúc trước có người giúp bác xin việc, bây giờ bác giúp lại cháu là chuyện thường, có gì phải thắc mắc. Thôi bây giờ sửa soạn ăn trưa kéo không kịp.

Kim đang lúng túng vì sáng nay khi ra đi, không ngờ được nhận làm ngay, nên nàng không chuẩn bị thức ăn đem theo, thì may quá, Mai cùng với một thanh niên tiến lại phía bác Tâm và nàng. Mai giới thiệu Kim với anh chàng rồi nói:

- Đây là anh Tuấn. Anh làm trong phòng mài với ba anh Việt Nam khác. Tất cả nữ trang khi đúc xong phải đem mài cho thật nhẵn rồi mới nhuộm vàng. Kim gật đầu chào Tuấn. Khi biết Kim không đem thức ăn theo, Tuấn nhanh nhẩu:

- Không sao, sáng nay đây muộn tôi cũng không kịp làm sandwich, đang định xuống cafétéria mua. Vậy để tôi mua cho chị luôn.

Kim móc bóp định lấy tiền thì Tuấn xua tay:

- Thôi khỏi, chị là người mới, tôi xin được đãi chị bữa nay. Nói xong không đợi Kim kịp từ

chối, Tuấn vội vàng đi ra thang máy. Kim đành tự hứa hôm khác sẽ trả lại món nợ này.

Cả hai ngồi xuống bên cạnh bác Tâm. Trong này có lệ, giờ ăn trưa, Haitien tự lại từng nhóm, Việt Nam cũng vậy. Vừa ăn vừa tán dóc đủ thứ chuyện. Có hai nhóm Việt Nam khác ngồi cách đó không xa. Mai kín đáo chỉ từng người:

- Cái chị tròn tròn tóc ngắn đó tên Hằng. Nha sĩ bên Việt Nam, bây giờ đang học lại để thi. Còn cô bé trắng trắng, nhỏ nhỏ, tóc dài ngồi bên cạnh tên Hà. Mới sang độ một năm nay. Hà còn rất trẻ, nên cố dành dụm tiền để đi học lại. Cái chị ốm, cao, đẹp như đầm, kế bên Hà là Ngọc. Tuy có chồng, một con, nhưng cứ bị tên cai mắt la mà y lét, đeo theo tán tỉnh. Trước mặt mấy người đó là bác Sang, nghe đâu chồng bác hồi xưa bên Việt Nam làm lớn trong chính quyền. Bên cạnh là cô con gái của bác tên Nga. Cái anh chàng trẻ măng ngồi sát bên Nga là Quang, đang chết dở vì cái núm đồng tiền trên má của cô nàng! Cái ông ốm nhom, cao kều, tóc quăn quăn ngồi trước mặt Quang là anh Đạt, cựu giám đốc ngân hàng ngày xưa. Hai người này cùng với anh Tuấn làm trong phòng mài. Mấy ông ngày đi làm, nhưng tối lấy cours học thêm.

Vừa lúc đó Tuấn trở lên đưa Kim cặp sandwich trứng. Kim cảm ơn rồi mời Tuấn ngồi xuống chiếc ghế trống trước mặt, nhưng chàng thối thoát, báo có chuyện cần bàn với ông Đạt. Đứng 1 giờ chuông reo báo hiệu giờ nghỉ trưa chấm dứt. Mọi người lục tục trở về chỗ làm. Mai nói với Kim:

- Chị chuẩn bị đi. Đến giờ lay ông đi qua, lay bà đi lại rồi đó.

Thấy vẻ ngờ ngác của Kim, Mai phì cười:

-Thì ngủ gục đó! Khó nhất là sau giờ ăn trưa. Bụng đầy mà công việc cứ bắt phải ngồi ở một chỗ, nên buồn ngủ dễ sợ! Chừng nào không cưỡng được, chị cứ việc đứng lên vào toilette một tí. Ở đây chỉ có đi toilette mới được đứng lên mà thôi. Chả bù lúc mới sang, Mai đi làm trong một hãng may. Họ bắt xếp quần áo. Toàn đồ ngủ đàn bà dài thậm thọt, nên suốt ngày cứ phải đứng. Tôi về hai cái chân cứng ngắt luôn! May quá, một hôm trên xe bus gặp anh Tuấn, hồi xưa bên Việt

Nam ở cùng xóm với Mai. Nghe Mai than cực, anh dẫn vào xin việc ở đây đó chị Kim. Rồi Mai kết luận, với cặp mắt mơ màng và nụ cười mím chi:

- Anh Tuấn tử tế và dễ thương lắm!

Bữa nay ngày đầu tiên nên Kim hết sức chú ý, cố gắng không phạm lỗi, nên không thấy buồn ngủ. Nhưng bên cạnh nàng, Mai thỉnh thoảng lại “gật đầu” một cái. Kim trừu:

- Lay ông đi qua rồi phải không?

Mai chớp cặp mắt đỏ quạch nhìn sang Kim, cổ nhếch miệng lên cười!

Tuy mới gặp, nhưng Kim thấy Mai là một cô gái rất dễ mến.

... Thảm thoát mà Kim làm ở hãng Keyes gần một năm. Sáng bắt đầu 8 giờ, chiều tan sở 6 giờ. Công việc nhẹ nhàng, dễ dàng đến độ...nhàm chán! Sau này thạo việc, không cần chú ý nhiều nên Kim cũng bắt đầu... lay ông đi qua, lay bà đi lại như mọi người, sau giờ ăn trưa. Thỉnh thoảng cả đám đang lơ tơ mơ, chợt giật bản người vì một tiếng thét hãi hùng của một nạn nhân lơ dềnh. Trong hãng có bốn người điều khiển máy ráp khoen, móc vào những sợi dây chuyền. Đôi khi ngủ gục, thay vì đưa hai đầu dây để máy đóng khoen, lạng quạng làm sao họ lại “thế” bằng chính ngón tay của mình. Cái máy vô tình vẫn làm nhiệm vụ, thế là một tiếng thét đau đớn trỗi lên, khiến mọi người bàng hoàng tỉnh giấc! Cai Guy hốt hoảng chạy tới tắt máy, rồi dẫn nạn nhân lên văn phòng săn sóc vết thương, sau khi đã mắng cho đương sự mấy mắng!

Có lần con bé Hà bị lâm nạn như vậy. Vừa bị đau vừa bị mắng, nhỏ oà lên khóc sụt sướt, khiến tên cai luống cuống không biết làm sao!...

Nghĩ đến còn rùng mình! Mùa đông năm đó lạnh thấu xương, lại bão tuyết liên miên. Có tuần đến ba trận. Con đường Chabanel chỉ có hãng xưởng. Building hai bên cao ngất. Khi có bão, gió luông giữa các cao ốc này, sức mạnh tăng lên gấp đôi. Những hôm ấy, mấy bác cháu té lên té xuống, cổ dất dít nhau đi trong bão tuyết mịt mùng để đến trạm xe buýt. Tội nghiệp bác Tâm và bác Sang, leo được lên xe, mặt mũi người nào cũng tái xanh, rét run cầm cập! Chao ơi bên Việt

Nam có mấy ai ngờ được cái nỗi niềm thâm thâm này! Kim có chị bạn thân, bảo lãnh đưa cháu từ trại tị nạn sang. Thấy bà cô cực khổ đầu tắt mặt tối, thẳng bé kêu lên:

- Cô ơi, trước khi sang đây, cháu cứ tưởng cô sướng như tiên.

Chị bạn Kim cười cay đắng:

- Đúng đấy cháu ơi. Nhưng cô là tiên mắc nợ!!

Công việc nhàn nên muôn đòi lãnh lương tối thiểu! Hơn nữa chưa có trường nào dạy cách moi được tiền của mấy ông chủ Do Thái!. Những ngày lễ, như lễ La Reine, chủ tuyên bố một câu xanh rờn:

- Cái bà Vua này ở tận bên Anh Quốc xa lắc, xa lơ, ăn thua gì tới xứ Canada mà phải nghỉ? Ai muôn nghỉ hôm đó thì ở nhà luôn cho được việc! Tất nhiên là chẳng ai dám bày tỏ lòng trung thành của mình với bà Nữ Hoàng, mà theo ông chủ thân mến (!) chẳng ăn nhập gì tới chúng ta cả...

Nhưng nặng nhất là hôm lễ Quốc Khánh của xứ Québec. Lễ này quan trọng bậc nhất đối với dân "Cò". Nhưng khổ nỗi, ông Deutch là dân Do Thái chánh công. Hôm đó trong sở, mặt người nào cũng dài thòng. Khoảng 11 giờ, bỗng từ dưới đường, tiếng còi xe chữa lửa lẫn xe cảnh sát đưa lên điếc cả tai. Vài phút sau, có tiếng la lớn:

- Mọi người xuống đường. Building bị đặt bom!

Không ai bảo ai, chủ tớ tranh nhau theo cầu thang chân, chạy một mạch xuống tám tầng lầu trong một thời gian kỷ lục!

Đội cảnh sát đặc biệt nai nịt cẩn thận, đem máy dò bom lên rà khắp nơi. Độ nửa tiếng sau, các ông bạn dân trở xuống báo cáo:

- Tin đặt bom chỉ là tin vịt. Quý vị cứ yên chí tiếp tục lên làm.

Nhưng mấy người da trắng chảnh chảnh tí nào. Có cái cơ bằng vàng này, họ đã rút lui về nhà từ khuya! Lục tục trở lên hăng chỉ có đám da vàng và da đen. Ông Deutch lắc đầu cầu nhau:

- Tao không hiểu họ sợ cái gì? Khi Chúa gọi thì đầu tụi bây đang nằm trên giường cũng sẽ chết ngay đơ!

Kim thấy đúng quá. Mấy mươi năm chiến tranh ở quê nhà, hàng ngày bom bay đạn nổ trùm lum chung quanh, mà còn chẳng làm sao. Sả gì

cái chuyện đặt bom "dòm" này mà phải sợ há? Tối về nhà kể lại Tín cười:

- Đúng là bị mấy tên "Cò" hù cho bỏ ghét đó mà...

Tội nghiệp cho đám công nhân thấp cổ bé miệng, đôi khi tức muốn bẻ phổi mà vẫn phải ngậm tâm! Chẳng hạn những ngày lễ Do Thái, cũng chả dây mơ rễ má gì tới xứ Canada, lão chủ độc tài này lại bắt mọi người nghỉ tuốt. Trong khi người khác đi làm, mình lại tà tà ở nhà, thật chẳng giống ai! Có lần nhỏ Mimose ghé tai Kim thì thầm:

- Bây giờ tao mới hiểu tại sao trên thế giới ai cũng ghét dân Do Thái!

... Giao tình giữa Mai và Kim càng ngày càng khăng khít. Mai điềm đạm, hay giúp đỡ kẻ khác. Không đẹp lắm nhưng có duyên ngầm. Mai và bà mẹ được người chị bảo lãnh. Thủ tục kéo dài khá lâu, nằng không dám lập gia đình vì ngại giấy tờ sẽ gặp rắc rối. Nhưng mà, ngày tháng có chịu chờ ai, đợi ai bao giờ?! Cho nên vào cái tuổi 28, Mai tự cho mình đã quá xuân thì. Biết Kim lớn hơn nằng có bốn tuổi mà đã là mẹ của ba tí nhau, Mai nói:

- Chị Kim thật có phước. Biết chừng nào em mới có được một gia đình như chị!

Kim đùa: - Coi vậy mà hông phải vậy đâu nghen. Nhiều khi điên đầu vì tụi nhóc, hoặc tức mình ông Tín, chị lại thấy ganh tị với những người còn độc thân. Nhưng kẹt nỗi "cá cần câu biết đâu mà gỡ. Chìm vào lòng biết thuở nào ra?"

Mai bật cười, nhưng sau đó lại buồn tiếng thở dài:

- Tại chị Kim không biết, chớ một mình đôi khi... chán đời lắm!

Chợt nhớ lại lúc sau này, Mai có những cử chỉ, ánh mắt hơi... đặc biệt đối với Tuấn, Kim nheo mắt:

- Nhưng không sao, cứ yên chí đi. Theo giác quan thứ sáu của chị thì cái được gọi là "hạnh phúc" của Mai chắc cũng chỉ ở gần sát đầu đây thôi! - vừa nói Kim vừa đưa mắt nhìn vào phòng màu - quan trọng là em có muốn chụp bắt nó hay không mà thôi.

Chắc Mai hiểu ý của Kim nên mặt chợt đỏ bừng, cầu cho Kim một cái đau điếng:

- Trêu em hoài. "Người ta" nghe chắc em độn thổ!

Kim già vờ ngây thơ:

- Uà, người ta nào vậy cả?

Mai càng mắc cỡ, không biết nói sao, chỉ hứ hứ mấy tiếng. Kim cười ngất, nhưng trong lòng cảm thấy tội nghiệp cho Mai. Từng ấy tuổi đầu mà trong chuyện trai gái vẫn còn khá ngây ngô!

Tuy thích Tuấn, Mai chỉ dám thỉnh thoảng mời chàng ta chiếc bánh ngọt, hay quả cam, quả táo. Nhưng qua ánh mắt, nụ cười của nàng, Kim không thể nào nhầm lẫn được.

Trăm phần trăm là Mai đã trao trọn quả tim chân thật của mình cho Tuấn rồi. Nhưng khổ nỗi, theo nhận xét của Kim, thì hình như anh chàng này vẫn thân nhiên xem Mai như một cô em gái!.

Theo lời Mai kể, Tuấn năm nay ba mươi. Vượt biên sang đây một mình. Chỉ còn một bà mẹ bên Việt Nam. Năm 75, cộng sản chiếm miền Nam, Tuấn hãy còn ít tuổi. Bố là sĩ quan nên cả nhà kẹt lại ở Cần Thơ. Chỉ là Đại úy thôi, nhưng cái chức trường chi an ninh đã khiến ông phải ra học tập tận Hoàng Liên Sơn. Những lá thư hiếm hoi ông gửi về, đã làm mẹ Tuấn khóc hết nước mắt. Thèm đủ thứ. Những ao ước rất ư là tầm thường như củ khoai, miếng đường...khiến cho những người thân đứt từng đoạn ruột!

...Vài năm sau, khi nhận được tờ giấy phép thăm nuôi, bà chạy đôn chạy đáo, chuẩn bị đủ thứ. Những thứ mà bà biết khi xưa ông rất thích. Hai mẹ con bôn ba lên tận miền rừng thiên nước độc, để được biết rằng bố Tuấn đã vĩnh viễn ra đi trước đó mười ngày vì bệnh kiệt lý... Nỗi đau khổ tột cùng làm mắt mẹ Tuấn ráo hoảnh. Bà không nhò được một giọt lệ cho người chồng xấu số. Nỗi căm hận đã khiến bà mất hết cảm giác!...

Về lại Sài Gòn, bà kiếm đường cho Tuấn đi, nhưng cậu bé nhất định không chịu xa mẹ. Đành vậy!.. Mãi đến năm 85, người chú ruột đóng thuyền vượt biên. Lần này mẹ Tuấn cố thuyết phục con đi theo. Thương mẹ, nhưng thấy tương lai quá mịt mù, cuối cùng Tuấn cũng xiêu lòng theo chú thêm ra đi. Nhờ bố Tuấn phù hộ chăng? Thuyền đi có ba hôm là đến Mã lai...

Khổ nỗi chẳng vào cái diện nào cả, nên chàng cũng phải mồi meo trên đảo hết ba năm. Một hôm, sau giờ học Anh ngữ, trên đường về đi ngang nhà thờ, Tuấn đột nhiên có ý tưởng vào cầu

xin Chúa một phen. Buổi trưa nhà thờ vắng lặng, Tuấn quỳ trước bàn thờ, miên man cầu nguyện. Rồi vừa thương thân phận, vừa nhớ mẹ một mình vò võ bên quê nhà, hai má đầm đìa nước mắt lúc nào không hay! Chàng cứ thỏn thức...thỏn thức...Bỗng giật mình, vì có bàn tay ai đó đặt nhẹ lên vai. Tuấn ngược nhìn lên, nhận ra là một vị linh mục người ngoại quốc. Cha tự giới thiệu là người Canada, tên Pierre, trong hội đoàn Phát Triển Hòa Bình Thế Giới. Hội đoàn chuyên bảo lãnh trẻ mồ côi, những người độc thân không thân nhân và thiếu điều kiện để được vào Canada. Rất may là phần lớn các cha trong Hội đoàn đều nói được tiếng Việt. Cha hỏi và Tuấn kể rõ hoàn cảnh cho người nghe...Cha tỏ ra xúc động trước hoàn cảnh của Tuấn, nên hứa sẽ cố gắng giúp đỡ. Tuấn về kể cho chú thêm nghe, lòng tràn trề hy vọng...

Ba tháng sau, chàng được phái đoàn Canada gọi lên phỏng vấn và đặt chân vào xứ Québec trong một ngày nắng đẹp tung bùng. Tuấn ở chung với ba người Việt khác đến trước. Đi học tiếng Pháp được một năm, nói và hiểu kha khá thì chàng kiếm được việc làm trong hãng Keyes, tới lấy thêm cours kế toán. Lắm râm mà Tuấn học cũng sắp xong. Hai năm đầu vẫn được ở chung nên không mấy tốn kém. Tiền kiếm được, Tuấn gửi một phần về cho mẹ và dành dụm mua một chiếc xe cũ để đi làm...Chàng năm nay chẵn ba mươi. Người tầm thước, khỏe mạnh, khôi hài rất có duyên và một đặc tính mà mọi người đều ưa thích là lúc nào cũng sẵn sàng... ăn cơm nhà vác ngà voi! Ai cần giúp đỡ chuyện gì, chi... hú một tiếng là có chàng.

Thấy Tuấn tứ cố vô thân, thỉnh thoảng cuối tuần hoặc sinh nhật các con, Kim mời Tuấn và Mai tới ăn cơm. Nàng nhất định bắt nhịp cầu tri âm cho hai trẻ!

Tín cười trừu vọt:

- Nè bà xã, bà đã từng nghe qua câu tục ngữ: Ở đời có bốn cáiái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu chưa vậy? Hạnh phúc thì không nói gì. Hề cơm không lành, canh không ngọt là họ cứ bà mai mà rêu cả ngày! Bà nhắm có chịu nổi không nè?

Kim chống ché:

- Tại em thấy cậu Tuấn đang hoang, nhờ Mai lại có ý thương thầm, nên em có lòng tốt, giúp cho họ nên duyên cầm sắt chớ bộ!

Tín nhân mặt:

- Thôi em ơi, hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, mà dzô dziên có đối diện cũng bắt tương phùng hà. Em đừng giựt “job” của ông Tơ bà Nguyệt mà lãnh... sẹo nhé!

Kim xí một tiếng không thềm trả lời. Tuy trong bụng cũng thấy “thằng chả” có lý phần nào!

... Thứ sáu tuần rồi, Mai nói với Kim thứ hai sẽ dẫn một người quen, ở Việt Nam mới sang, vào xin việc. Gia đình này gồm bố mẹ già, một con trai và cô con gái tên Mỹ Dung được người con trai lớn đi du học trước bảy năm bão lãnh. Lúc đầu sống tạm nhà con trai bên Laval. Nhưng ngặt cô dâu đảm không chịu nổi mùi nước mắm, mà ông bà già lại không chịu xoi com tây. Thịnh thoảng còn chấp nhận, nhưng thường trực thì chịu thua! Nên sau cùng đành chia tay. Ông con qua mướn cái appartement, cùng building với gia đình Mai, nên hai nhà quen nhau. Bố mẹ Dung đều trên sáu mươi, nên chuyện kiếm việc thật nan giải. Mỹ Dung và cậu em phải đi làm ngay mới đủ chi dụng trong nhà. Nàng nhờ Mai dẫn vào xin việc ở hãng Keyes...

Sáng thứ hai, vừa ngồi xuống chỗ, Mai đã vui vẻ nói với Kim:

- Em đã đưa Mỹ Dung tới tận cửa văn phòng rồi. Con Bernadette nghi sanh, hy vọng họ sẽ nhận Mỹ Dung vào thể. Con bé dễ thương, lanh lợi lắm chị Kim ạ.

Độ 15 phút sau, cai Guy dẫn một cô gái từ văn phòng vào, đi thẳng đến chỗ cũ của nhỏ Bernadette. Nhìn thoáng qua, con bé xinh thật. Mai tóc dài đen mượt, da trắng như trứng gà bóc, thân hình thon nhỏ...

Đến giờ ăn trưa, Mai chạy lại chỗ Mỹ Dung, dắt con bé đến bàn nơi Kim và bác Tâm ngồi, đang định đỡ thức ăn ra. Mai giới thiệu, Mỹ Dung tươi cười chào bác Tâm và Kim... Uí chao, lại có chiếc răng khểnh nữa chứ! Cặp mắt lá răm này cũng có hạng lắm đây, Kim nhủ thầm. Thấy Tuấn từ trong phòng mài bước ra, Mai đưa tay vẫy. Tuấn cầm túi giấy đựng sandwich đi ra chỗ

các bà. Mai giới thiệu Mỹ Dung. Tuấn cũng lịch sự hỏi:

- Mới ngày đầu Dung thấy thế nào, mệt lắm không?

Con bé chớp mắt, cười duyên trả lời:

- Trước đây em cứ tưởng đi làm hãng xưởng cực lắm, không ngờ chỗ này công việc nhẹ nhàng quá anh ạ. Mỗi ngày lại được nhìn thấy hàng núi nữ trang như thế này em thích lắm! Tuấn cười:

- Thật các bà các cô ai cũng giống nhau. Cứ thấy nữ trang là mắt sáng lên!

Mỹ Dung dẫu môi:

- Anh Tuấn không biết sao, hai điều thú vị nhất của đàn bà là quần áo và nữ trang. Phải không chị Mai? Mai cười cười không trả lời, vì tính nàng không thích se sua, chung điện. Thấy con bé có vẻ hơi xí xọn, Kim lên tiếng:

- Cũng còn tùy. Có bà thích làm bếp, có bà mê trồng cây. Như tôi đây, có bao nhiêu tiền cũng đổ vào sách báo. Nhưng Mỹ Dung cũng có lý, phần lớn các bà đều mê mấy thứ đó. Chả vậy mà các nhà thời trang, năm nào cũng bỏ vào túi cả chục tỉ đô la. Mà nghĩ đi, nghĩ lại, hôm nào diện đẹp, mình cũng cảm thấy... yêu đời hơn.

Tuấn rên rí:

- Chỉ khổ bọn đàn ông chúng tôi thôi. Tôi biết có người cày ngày không đủ, còn phải tranh thủ... cày đêm!

Mỹ Dung cũng không chịu thua:

- Anh Tuấn nói vậy em không đồng ý. Hồi xưa bên Việt Nam, chỉ có bố em đi làm nuôi cả nhà. Bây giờ sang đây, em thấy hầu như gia đình nào bà vợ cũng phải đi làm mới đủ cho cả nhà...

Kim tố thêm:

- Đó là chưa kể về nhà lập tức trở thành vú em, chị bếp, con sen và ban đêm còn phải hầu ông chủ!..

Tuấn đưa tay lên trời:

- Thôi thôi chịu thua các bà! Từ trước đến giờ vẫn không cãi lại chị Kim. Bây giờ còn thêm cô Dung nữa, tôi xin đầu hàng vô điều kiện!

Mọi người cùng cười vui. Tuy ngoài mặt không lộ vẻ gì. Nhưng sao Kim cảm thấy trong lòng hình như có cái gì đó không được ổn. Tại Mỹ Dung xinh đẹp và sắc sảo quá chăng? Bên cạnh con bé, Mai như một chiếc bóng mờ!

...Càng ngày Kim thấy linh tính lúc đầu của mình càng đúng. Mỹ Dung có những hành động vượt quá mức bình thường, như hôm nào cũng mang thêm một phần ăn cho Tuấn. Ban đầu anh chàng từ chối, thì Mỹ Dung giải thích:

- Sẵn làm cho em, làm thêm một phần cho anh, có mất công gì đâu!

Lúc đầu Tuấn thấy ngượng, nhưng lâu dần cũng... quen. Vả lại, trên đời này, có chàng trai bình thường nào lại nở làm buồn lòng một cô gái xinh đẹp như Mỹ Dung? Để đáp lễ, buổi chiều Tuấn xin được đưa Mỹ Dung về. (ôi, cũng đâu có xa xôi gì cho cam. Chỉ mất thêm độ ba mươi phút thôi mà!).

Nhưng không lẽ cùng building, mà chỉ chờ một mình Mỹ Dung cũng kỳ, nên Tuấn mời luôn Mai. Dĩ nhiên con bé xíu nhận lời ngay, nhưng Mai thì e ngại. Nhờ người ta thấy họ cười chết! Nhỏ Dung bừu mỗi:

- Chị sao lạc hậu quá trời! Chị tính đi, nếu đi nhờ xe anh Tuấn, mình chỉ mất có mười lăm phút là về đến nhà, thay vì bốn mươi lăm phút như thường lệ. Tiết kiệm được nửa giờ, mà khỏi phải chen lấn khổ sở, chị thấy không tốt hay sao?

Mai nghe cũng bùi tai, nên nhận lời. Không lẽ cả hai cùng ngồi phía sau? Tuấn đâu phải là tài xế của hai nàng. Nhưng gì thì gì, Mai nhất định dành ngồi phía sau (nhỡ có người cùng building thấy... ừ chết!). Con bé Dung ngồi phía trước với Tuấn, liếng thoắng kể chuyện. Vừa đẹp, vừa có duyên lại trẻ măng (mới hăm ba mùa xuân thôi mà). Điều này có người chết chắc!...Bình thường Mai chỉ im lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng mới góp vào một hai câu cho có chuyện...

... Cả tuần, Kim thấy Mai có cái gì đó không được bình thường. Nàng ít nói hẳn, mắt lại có quầng thâm. Buổi trưa mọi người ăn uống vui vẻ, Mai cứ thờ ra, thức ăn hôm nào hầu như cũng còn nguyên. Có hôm đang làm việc, Kim quay qua hỏi Mai thứ bảy này có rảnh không, phải hỏi mấy lần Mai mới giật mình, làm như tâm hồn đang ở tận đâu đâu. Kim nhủ mày suy nghĩ. Không lẽ con bé thất tình? Ừ, có thể lắm à. Đạo này thấy Tuấn với Mỹ Dung càng ngày càng thân mật. Con bé Dung tỉnh tỉnh tự nhiên, nói chuyện với anh

chàng Tuấn chả giữ gìn cả. Cặp mắt lá rậm lại cứ liếc tới, liếc lui. Cái miệng dẻo queo, có là gỗ đá cũng phải nhũn ra như... bún thiêu mà thôi! Nói chỉ đến anh chàng Tuấn tứ cố vô thân, lại phòng không chiếc bóng!

Kim nghĩ, nếu chuyện này có xảy ra thật, nàng cũng không lấy làm lạ. Vì trước một đối thủ quá ư lợi hại như Mỹ Dung, Mai thua là cái chắc! Chỉ có điều trớ trêu là, khi đem Mỹ Dung vào xin việc, Mai đã tự tay ký bản án tử hình cho hạnh phúc của đời mình. Nhưng tự cô chỉ kim, có mấy người cãi được số trời?! Không tiện hỏi nơi đây, Kim đành hẹn Mai chiều thứ bảy đến nhà nàng ăn bánh xèo.

... Mai vừa bước chân vào cửa, là Kim đã lôi bèn vào phòng ngủ, đóng cửa lại. Án Mai ngồi xuống giường, Kim nhẹ nhàng nói:

- Nào, bây giờ có chuyện gì buồn, kể ra cho chị chia xẻ với.

Mai cắn môi, mắt nhìn xuống ngập ngừng đáp em không sao. Kim bực mình gắt:

- Không sao, không sao. Bộ cho là chị mù chắc! Lúc này Mai xuống sắc lắm Mai có biết không? Càng ngày càng tong teo. Chả bù với con bé Dung, càng ngày chị thấy nó càng tươi tắn, rực rỡ ra!

Đúng như Kim dự tính, chạm vào vết thương đau, Mai ngẩng lên nhìn nàng, giọng dứt quãng:

- Em cũng không biết nói sao với chị nữa. Em... em khổ lắm chị Kim ơi!...

Chỉ tới đó là hai hàng nước mắt rùng rùng. Một tay ôm nhẹ bờ vai gầy gò của Mai, tay kia với lấy mấy tờ kleenex, Kim thở dài:

- Chị biết em yêu Tuấn từ lâu. Nhưng bao nhiêu lần chị nói bóng, nói gió em đều lờ đi... Em tưởng mình đang ở thời... thượng cổ hay sao chứ? Thương người ta mà cứ giấu biệt trong lòng. Con nhỏ Mỹ Dung đó, chỉ nhìn dáng điệu của nó thôi, ngóc cách mày cũng biết là nó đang giăng lưới để tóm ông Tuấn. Phải chi từ trước em cũng mạnh dạn như nó thì...

Mai lau nước mắt, giọng ướm sũng:

- Em cũng biết là em cổ hủ, không bằng ai. Nhưng trời sinh em như vậy, biết sao hở chị?! Bố mẹ em khó lắm. Ngày xưa, chị cả em bị bố bắt



gặp đi học về chung với anh rể em (lúc đó còn chưa lấy nhau), ông già cho bà một trận nên thân! Các cụ nhà giáo ngày xưa khó lắm chị ơi. Có lẽ vì vậy mà lúc nào em cũng phải giữ gìn...

À ra thế! Kim chép miệng. Nhưng một lúc, Mai thờ dài:

-Thôi để em kể hết cho chị nghe.

... Trong cái đầu óc giản dị của nàng, lúc trước Mai cứ đinh ninh Tuấn chỉ xem Mỹ Dung như một đứa em gái. Nào ngờ, chiều chúa nhật tuần trước, từ nhà bà chị về, thấy xe Tuấn đậu bên lề đường, trước cửa building. Mai vô tình nhìn vào, định hỏi Tuấn đi đâu đây thì... giọng Mai ngập ngừng, nàng thấy Tuấn và Dung đang... hôn nhau. Mai hốt hoảng lùi lại (Kim nghĩ thăm Trời sập chắc cũng...cỡ đó thôi!). Có lẽ hai người không thấy Mai (là cái chắc, họ đang say sưa quá mà!). Nàng còn đang lúng túng, thì Dung mở cửa bước xuống và Tuấn phóng xe đi. Thấy Mai (tất nhiên đang chết đứng như Từ Hải!), con bé toét miệng cười, hí hửng khoe bữa nay hai người đi picnic trên núi Mont Royal và sau đó đi ciné dưới phố, bây giờ vừa về tới. Mai cố gắng ừ hử lấy lệ, nhưng có nghe gì nữa đâu? Một cụ thi sĩ tiền chiến đã từng rên rỉ: Yêu là chết trong lòng một ít!... Nhưng lòng Mai lúc đó thì tan tành, nát ngườ như tương, không còn một mảnh vụn!

Buổi tối Mai ăn cơm mà như nuốt sạn. Giữa bữa lấy cốc nhức đầu, xin vào phòng trước. Suốt đêm nàng không tài nào ngủ được, cái cảnh tượng ban chiều cứ hiện ra rành rành trước mắt!...

Kim giật mình vì tiếng thờ dài nảo nượ của Mai:

- Chị Kim, cái mà em không bao giờ nghĩ đến, là từ lúc quen với Tuấn, Mỹ Dung kiếm có phen cho ảnh hoài. Lúc đầu thỉnh thoảng, nhưng sau này thường lắm, hầu như tối nào cũng phen (Trời, con nhỏ ít tuổi mà khôn như ranh. Còn cái điện thoại nữa, bình thường rất hữu dụng, nhưng đôi khi cũng hại chết người!)... Đi chung xe với họ, đối với Mai bây giờ là một cực hình. Những lời đùa giỡn vô tình của hai người khiến lòng nàng đau như bị dao cắt!... Mai nhìn Kim cầu cứu:

- Em phải làm sao đây hả chị Kim? Em nghĩ nát óc mà cũng không ra. Chẳng lẽ tự dung em nghĩ làm? Nói làm sao với bố mẹ em? Nói bị đui

cũng được, nhưng từ trước tới giờ em chưa bao giờ dám nói dối với bố mẹ.

Kim á khẩu, không biết khuyên Mai thế nào cho phải. Tuấn và Mỹ Dung yêu nhau cũng là chuyện tự nhiên. Nhưng đôi lúc Kim thấy bức mình trước thái độ quá vô tình của họ. Mới trưa thứ sáu này chớ xa xăm gì. Kim mời Mai miếng bánh da lợn thật ngon, Kim vừa mua chiều hôm trước. Mai từ chối, bảo không đói. Kim gắt:

- Không chịu ăn uống gì cả. Nhìn Mai người ta dám tưởng mới từ Phi Châu về lắm đó. Không tự thương mình thì ai thương dùm cho?

Mỹ Dung cũng kêu:

- Đúng, lúc này em thấy chị Mai gầy xẹp hẳn đi!

Tuấn giáng thêm cú... ân huệ:

- Mai có bị bệnh gì không vậy?

Mai lắc đầu, cặp mắt chớp lia, đôi môi run rẩy. Kim biết nàng đang cố nén tiếng nấc! ... Rõ ràng chung quanh hai người này, thế giới không còn hiện hữu nữa mà! Kim bức dọc định nói một câu trách móc, nhưng may quá, ngậm miệng lại kịp. Trách họ cái gì mới được chứ? Tội yêu nhau ư? Hay cái tội xem mọi người chung quanh như “vô hình”? Kim nhớ lại, hình như hồi xưa, nàng và Tín cũng đã từng mắc cái bệnh này mà!

Bác Tâm nhìn Mai thương xót:

- Ráng giữ gìn sức khỏe nghe cháu. Ở xứ này không có sức khỏe là tiêu đó. Bác già rồi không nói làm gì. Nhưng cháu còn trẻ, cuộc đời còn dài. Chuyện gì rồi cũng sẽ qua đi...Mai lí nhí nói tiếng cảm ơn. Tuấn và Mỹ Dung nhìn nhau, không dấu được vẻ ngờ ngạc...

... Hôm đó quá bất ngờ, Kim chỉ biết an ủi Mai bằng mấy câu xưa như trái đất:

- Cứ xem như hai người không có duyên nợ với nhau...v...v...và...v...v...

Trút được gánh nặng ngàn cân trong lòng với Kim, Mai cũng cảm thấy nhẹ bớt. Tuy vậy, cho đến lúc ra về, nàng vẫn không nuốt được miếng bánh xèo nào. Kim cũng không dám ép.

... Tối nay cơm nước xong, hai vợ chồng ngồi trước TV định xem nốt phim Bao Công, bỗng điện thoại reo. Kim cầm ống nghe, tiếng Mai vang lên từ bên kia đầu giây:

- Chị Kim, chị có rảnh không?

Cảm thấy có chuyện gì đó không ổn, Kim nói với:

- Đợi chị vào trong phòng.

Nàng vội vã đi vào phòng ngủ, sau khi dọn Tin gác phôn dùm. Kim allô, allô hai ba tiếng mới nghe giọng Mai thổn thức:

- Chị biết không, chiều nay vừa lên xe là Dung nói ngay với em rằng anh Tuấn còn ba tháng nữa ra trường, sau đó hai người làm đám cưới liền. Dung còn nhờ em làm phù dâu cho nó nữa đó chị.

-Chết! Kim kêu thảm trong bụng. Thế này thì con bé chịu sao nổi! Chứng kiến hai người yêu nhau đã là một cực hình. Bây giờ còn làm phù dâu, thì chỉ có nước tự tử! Kim thở dài ngao ngán, tội nghiệp cho Mai.

- Chị Kim, chị Kim, chị có nghe em nói không?

Kim vội vã trả lời:

- Có, chị đang nghe đây.

- Bây giờ chị bảo em làm sao? Em không dám từ chối, mà đi phù dâu thì quá sức chịu đựng của em.

Kim nói thật dịu dàng:

- Mai à, sự thế đã ra nông nổi này, chị thấy em đành chấp nhận mà thôi. Nếu em tin theo thuyết nhà Phật, thì cứ xem như Tuấn và em không có duyên số. Em yêu Tuấn nhiều như vậy, chắc em cũng muốn ảnh được hạnh phúc. Bây giờ Tuấn đã tìm thấy niềm hạnh phúc đó bên Mỹ Dung, em hãy cố quên mình mà mừng cho Tuấn. Chị biết là khó ghê lắm, nhưng tin tưởng em làm được. Em vốn là một người rất nhân ái...

Mai nghẹn ngào:

- Bộ em còn đường để chọn lựa nữa hay sao?

- Chị thành thật cầu xin cho em có đủ can đảm. Bây giờ nghe chị, cố gắng ăn ngủ bình thường. Tội gì mà hành xác cho khổ! Vợ chồng là cái nghiệp, cái nợ phải trả. Ngay bây giờ em không phải trả nợ cho Tuấn, nhưng sau này, chắc chắn sẽ có người khác tới đòi... Kim cười nhẹ, biết chừng đâu lúc đó em sẽ than vãn. Như chị đây nè, đi làm về mệt muốn đứt hơi, mà còn phải hầu ông chồng với một đám nhóc. Nhiều khi muốn diên luôn! Mai thở ra:

- Em thấy không còn cách nào hơn là nghe lời chị!

... Nhưng từ đó Kim thấy Mai chăm đi lễ chùa hơn trước. Kim trừu:

- Nè, định bỏ chùa cho... hay sao mà siêng năng đi chùa quá vậy?

Mai cầu cho Kim một phát đầu điếng:

- Cứ xuyên tạc không hà! Chị biết không, cái không khí trên chùa khiến em cảm thấy rất bình yên, thoải mái. Chiêm ngưỡng nét từ bi, hi xả của Đức Phật, tự nhiên mình có cảm giác trên đời này, tất cả đều là hư không. Tự mình cột mình vào những phiền lụy mà thôi chị ạ!

Nhìn nụ cười nhẹ nhàng trên môi Mai, Kim thấy an tâm.

... Đám cưới của Tuấn và Mỹ Dung được tổ chức trong vòng thân mật, vì cả nhà trai lẫn nhà gái đều ít thân nhân. Tuấn chỉ ân hận không có mặt mẹ trong ngày vui nhất của mình... Mai đi phù dâu với một nét mặt bình thân, như không hề có chuyện gì xảy ra...Sau đó ít tháng, Tin ra trường và Kim cũng bắt đầu về làm thư ký cho bác sĩ Quang.

Tuy không còn làm ở Keyes, nhưng Kim vẫn liên lạc thường xuyên với Mai và thỉnh thoảng cũng có gặp vợ chồng Tuấn. Họ đã có một thằng cu giống bố như đúc. Lần đầu gặp, Kim trừu:

- Uả, tôi nhớ hồi xưa ông làm ở phòng mài, chớ có làm ở phòng đúc khuôn đâu, mà bây giờ lại đúc ra một tác phẩm giống y chang vậy nè?

Tuấn vừa cười, vừa trả lời:

- Chị Kim quên là phòng mài của tôi nằm sát bên phòng đúc hay sao? Thỉnh thoảng rảnh rỗi, tôi chạy qua học lén đó... Mọi người cùng cười.

\*

...Chiều nay ngồi trong xe, trên đường về, Kim nói với Tin:

- Anh không thể tưởng tượng được, bữa nay em gặp ai ở phòng mạch đâu.

Tin giả vờ suy nghĩ:

- Đâu, để anh thử “tưởng tượng” xem nào... A! thôi anh biết rồi. Richard Gere, người trong mộng của em. Đứng chưa?

Kim nguyệt chồng:

- Đứng đắn một tí có được không. Bữa nay em gặp con nhò Mimosa hồi xưa làm ở hãng Keyes. Em chợt nhớ ra là lâu lắm rồi mình không mời nhò Mai tới ăn cơm.

Tín lắc đầu:

- Chịu em. Người ta đã “băm” rồi, mà em cứ kêu nhò này, nhò nọ!

Kim cười chống chế:

- Tại em quen miệng rồi. Lát sau Kim chép miệng:

- Nghĩ cũng tội, chuyện xảy ra đã trên bốn năm rồi, mà Mai nó vẫn chưa quên được ông Tuấn. Không lẽ suốt đời ở vậy? Năm ngoái em thấy ông Phước ở Toronto đó, cũng được quá, mà Mai nó nhất định không chịu!

Tín lên mặt triết lý:

- Con tim nó có lý lẽ của nó mà em. Có bực mình cũng vậy thôi. Bây giờ, việc cần nhất là mời cô Mai thứ bảy này đến nhà mình ăn. Lâu lắm rồi em không làm món bánh xèo. Mới nhắc đến mà anh đã thêm rõ dãi ra đây này!

Kim liếc Tín bằng nửa con mắt:

- Dạ, xin tuân lệnh ông chủ. Thứ bảy sẽ có món bánh xèo hầu ông. Chịu chưa?

Tín khoái chí cười hăng hắc. Kim nhủ thầm:

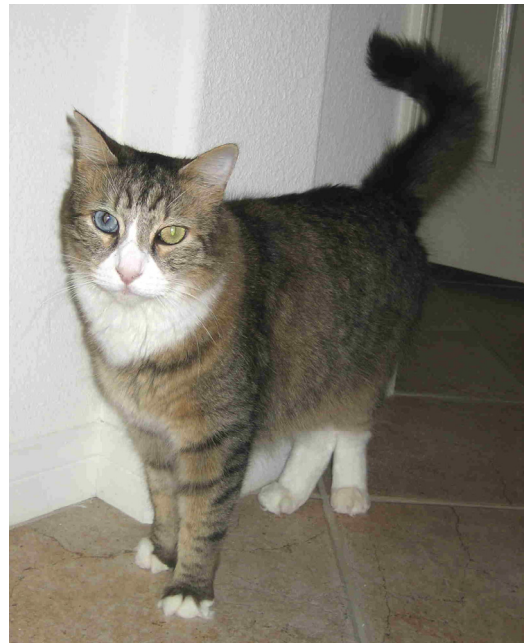
- Không hiểu sao mình có thể yêu tha thiết một kẻ, mà mỗi lần nghe đến tiếng “ăn” là mắt mũi sáng trưng lên như đèn pha... Thôi, đứng thẳng chả là cái món “Nợ” tiền kiếp mà mình phải trả đây... rồi buông tiếng thờ dài áo nã: Cũng đành!!!

**TIÊU-THU**  
(Canada)

## CHÚC XUÂN

Chúc xuân trẻ đẹp,  
Chúc xuân tươi  
Chúc LỘC,  
Chúc sang,  
Chúc mọi người  
Chúc PHÚC,  
Chúc an khang,  
Chúc THỌ  
Chúc năm Tân Mão,  
Chúc yên vui

## VŨ LANG



Ảnh của NGUYỄN THỊ TUỜNG VÂN

## NHÀ VĂN TIỂU THU TẠI VIRGINIA

Ngày 11 tháng 11, 2010 Nhà Văn Tiểu Thu cùng Phu Quân là Bác Sĩ Phan Văn Thành từ Montreal, Canada đã tới Virginia tham dự Buổi Hòa Nhạc Ca Ngợi Tự Do (Ode For Freedom) của Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa.



BS Thành, Thái Ninh, Thân Hữu, Chị Long, Tiểu Thu, Thái Phượng, Phan Khâm, Nguyễn Phú Long.



BS Thành, NT Phan Khâm, NV Tiểu Thu, Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung



Tạp Chí Cỏ Thơm đón tiếp Tiểu Thu. Hàng trước: Phan Anh Dũng, BS Thành, Vũ Hối, Đăng Nguyên, Phan Khâm. Hàng sau: Hồng Thủy, Tiểu Thu, Ý Anh, Tâm Hào, Nguyễn Lân, Hoàng Dung, Ngọc Dung và Phong Thu.

# BỨC TRANH KHÔNG VẼ

Kim-Vũ

Chiều nay, ông Hiền cảm thấy rất nhẹ nhõm.

Vương mắc cuối cùng của ông với Sài Gòn đã được giải tỏa.

Bây giờ thì ông có thể yên tâm lên đường, không còn vương vấn gì nữa.

Tạm thời, ông tự cho có thể xong nợ đối với Sài Gòn.

Món nợ đó, thực ra, là do chính ông tự đặt cho mình. Không ai bắt ông phải vương vịn vào nó cả. Thế nhưng, có lẽ ông thuộc loại người nặng tình, nên nó đã cứ làm ông băn khoăn, không hoàn toàn thư thái.

Câu chuyện liên quan đến một cô gái. Nàng tới Sài Gòn từ một tỉnh lẻ cách đây chưa đầy một năm, gặp nhiều khó khăn khi kiếm công ăn việc làm, nên một người bạn đã giới thiệu đến làm người mẫu cho ông. Ông là một họa sĩ từ lâu không hành nghề, nhưng luôn luôn ôm ấp trong đầu mộng ước thực hiện một bức tranh ngoại hạng về một cô gái Việt Nam đương đại.

Nàng là loại người mẫu không chuyên, nên đã không tự nhiên lắm, và ông đã chưa thể bắt đầu một bức tranh thật sự nào cả, chỉ mới lấy được một ít *croquis*, và đang tìm cách đặt nàng vào một bối cảnh lý tưởng nào đó chưa kiếm ra.

Ngoại hình nàng thật đẹp, và vẻ mặt có cá tính, với cặp môi hồng gợi cảm, và một vẻ tươi mát toát ra từ thân thể thiếu nữ dậy thì của miền núi rừng hoang dã. Ông đã rất muốn vẽ nàng khóa thân, nhưng thấy không tiện để nghị, vì ông cho như thế là quá sỗ sàng đối với một cô gái phương Đông chưa biết gì về thể giới phóng khoáng của nền nghệ thuật phương Tây.

Ông cũng đã đưa nàng đi chơi một số nơi trong thành phố, với hy vọng ở đâu đó sẽ có thể này ra

một ý tưởng xuất thân về bối cảnh thích hợp cho bức tranh mà ông đã đặt vào nhiều kỳ vọng.

Thế nhưng câu chuyện chưa đi tới đâu, thì ông thấy mình đã bị lôi kéo vào một thứ tương quan không hoàn toàn dễ chịu với cô gái.

Có thể tình cảm của ông bắt đầu từ sự ngây ngất trước sức quyến rũ lạ kỳ của sắc đẹp nàng, đồng thời cũng từ một thứ lòng trắc ẩn nào đó trước hoàn cảnh của nàng. Ông không hề có ý định phải vương vịn tình cảm với cô gái. Ông đã có một kế hoạch rõ ràng cho tương lai với tiền đồ khá sáng lạn, và kế hoạch đó đang được xúc tiến khá quan.

Thế nhưng, "*lừa gân rom tất bét*", có lẽ như thế, nên ngược với ý muốn của ông, ông dần dần bắt đầu quyến luyến cô gái. Thoạt đầu thì có vẻ như nàng cũng có một tình cảm nào đó đối với ông. Bằng có là nàng đã chịu để ông đưa đi thăm mấy nơi, tuy điều đó hoàn toàn không bó buộc đối với một người mẫu chỉ có tình cách nhất thời.

Ông cũng cố giữ một khoảng cách đối với nàng, vừa là để tránh người ngoài dị nghị, vừa là để tự giữ cho mình cho được an toàn. Xưa nay ông vẫn được tiếng là người đàng hoàng đứng đắn, và ông không muốn vì chuyện không đâu mà làm mất đi cái thanh danh không hề dễ có đó. Và chẳng, ông vẫn còn đang ở trong giai đoạn tìm hiểu thêm về cô gái, mà cách cư xử tỏ ra khá kín đáo. Ít nhất là đối với ông.

Thế nhưng, ở đời, cái gì càng giữ gìn, thì càng tự khẳng định sức cảm dỗ của nó. Và ông chỉ thực sự ý thức là mình đang coi cô gái hơn là một người mẫu bình thường khi một hôm được người bạn nói cho biết là nàng mới có bạn trai.

Tuy nhiên, ông đã trấn tĩnh được ngay, và tự nhủ thầm, nàng có cái quyền đó lắm chứ. Nàng còn trẻ, đang ở độ tuổi nhiều ước muốn, và chính ông, với sự quan tâm của một người đáng bậc cha chú, cũng thật sự muốn cho nàng tìm được hướng

đi của nàng, có một cuộc sống ổn định và hạnh phúc kia mà!

Đĩ nhiên, nàng không hề nói cho ông biết một chút gì về chuyện này. Điều đó làm ông khá thất vọng và bị tổn thương. Ông đã tưởng có được phần nào lòng tin của nàng. Nàng không có ai thân thích ở Sài Gòn, và đôi khi ông đã tìm cách giúp đỡ nàng phần nào trước những khó khăn của cuộc sống cam go, và nàng đã vui vẻ đón nhận thiện ý của ông. Chính ông cũng đã khổ công tìm kiếm và giới thiệu được cho nàng một chỗ làm ổn định, với một người bạn đang hoang, trong tình hình thật sự khó khăn về kinh tế cho tất cả mọi người như hiện nay. Dù sao, ông cũng không tỏ bất cứ một cử chỉ nào cho nàng thấy ông đã biết về chuyện của nàng.

Thế rồi dần dà, nàng tìm cách tránh gặp mặt ông. Ông đã nhắc nàng đến ông mấy lần để có thể tiếp tục tìm tòi và thực hiện bức tranh. Nàng đã vắng dạ, rồi lờ luôn.

Ông có thể đến nơi nàng tạm trú ngụ để hỏi nàng về việc này. Nhưng ông không muốn làm điều đó. Có hỏi cũng vô ích. Nàng sẽ chối quanh. Và đây là điều làm ông vô cùng kinh ngạc và thất vọng. Nàng đã từng không thật lòng với chính gia đình nàng và một người bồ cũ khá sáng sủa và rất gần bó với nàng, kể gì đến ông.

Vậy ra, ông đã xét đoán con người lầm lẫn hết. Ông đã tưởng nàng khá hơn thế nhiều, bằng vào vẻ thẹn thùng e lệ bề ngoài của nàng, và vào phong cách đơn sơ mộc mạc của nàng. Rút cục thì chẳng qua đó cũng chỉ là một thứ kiểu cách mà thôi, một thứ kiểu cách mà ông đã phải mất rất lâu mới thấy được ra. Có lẽ ông chỉ nhạy cảm đối với cái đẹp nghệ thuật, mà vẫn chưa đủ tinh tế để nhận thấy là có một khoảng cách, dù nhỏ bé nhưng cơ bản, giữa nghệ thuật và cuộc đời. Có lẽ ông vẫn còn ấu trĩ trong suy nghĩ ngây thơ là một nàng tiên thì phải đẹp cả người lẫn nét.

Một điều mà dù mê muội đến đâu, ông cũng không thể không nhận ra, nàng không hề có một ý thức gì về cái đẹp như ông hằng tưởng. Nàng đã gần như lãnh đạm dửng dưng trước bất cứ biểu

hiện nào của nghệ thuật, trước những cái làm ông xúc động, dù đó là văn, thơ, âm nhạc hay hội họa. Và nàng cũng dửng dưng như thế trước lòng tốt của những người bạn dù mới quen nhưng đã tỏ ra thực tâm lo lắng cho nàng.

Tuy nhiên, ông vẫn cứ muốn khẳng khẳng tìm cách bào chữa cho nàng. Phải chăng cái thái độ ngoan cố đó đã cho thấy là ông đã thật sự bị nàng cuốn hút đến độ không còn sự minh mẫn của một người bình thường?

Và ông đã phải sống trong một tâm trạng khó chịu trong một thời gian dài, mà không hề được thêm một tín hiệu lạc quan gì mới cả.

Thế rồi hôm nay, người bạn mà ông đã giới thiệu để giúp đỡ nàng về công ăn việc làm, và rồi nàng cũng đã lạnh lùng bỏ đi để đến một nơi thuận lợi hơn, sau một thời gian dài tình cờ gặp lại, đã vô tình tiết lộ cho ông hay một tin động trời: nàng vừa bị lừa mất một số tiền lớn bởi một người đàn ông không ra gì, đã có vợ con, dù ai ai cũng biết điều đó, và dù người bạn ông đã nhiều lần lưu ý và khuyên nhủ. Riêng về mặt tình cảm, thì không rõ ra sao, vì nàng dấu diếm rất kỹ chuyện này, nhưng cũng khó mà tin được rằng một con nai tơ lại có thể thoát khỏi nanh vuốt của một con chó sói lở đời.

Ông đã nóng rần người lên khi nghe tin đó. Sao mà nàng có thể dại dột đến thế! Vậy là ông đã uổng công lo lắng cho nàng, giới thiệu nàng với đủ người đang hoang có thể giúp nàng rất nhiều trước các cạm bẫy của cuộc sống đô hội. Nhưng nàng đã không hề mảy may quan tâm. Nàng vẫn liêu lĩnh bước những bước đi của mình, bất chấp mọi lời khuyên. Phải chăng có một ngọn gió lang thang nào đó trong con người nàng? Hay nàng muốn nổi loạn, muốn bật ra khỏi sự kiểm tỏa của gia đình và người lớn, muốn tự khẳng định con người mình, muốn tự thực hiện quyền tự do cá nhân của mình từ những tù túng của một môi trường ngột ngạt? Sự tự do tội nghiệp của một con chim ra rang., còn khù khờ non nớt đến đáng thương? Nàng đã không hỏi ông đến một lời khuyên, dù nàng biết rất rõ là lúc nào ông cũng

# SÔNG MƠ

Về sông Hàn, Đà Nẵng

Dòng sông thơ đêm qua nằm ngủ  
Sen đầy tay nở ngát hoa say  
Dòng quê xa giấc mơ trôi về  
Đất trời xưa bờ bãi hoang mê

Tặng cho em nhánh sen buồn rủ  
Đêm qua mơ sen thả đầy sông  
Uớt môi hoa chờ em một nụ  
Sen này ơi hãy nhận dùm tôi

Dòng sông xưa bao giờ về lại  
Để hoa gầy thoi rụng thơm tay  
Cánh chim non giờ đây bỗng lạ  
Ngõ ngàng bay qua con sông già.

## Ý Anh

(Maryland)

sẵn sàng đến với nàng, trong những tình huống khó khăn nhất, mà không hề đặt ra bất cứ điều kiện gì.

Nàng có thể u mê đến mức đó sao? Nàng đâu phải là con người thiếu thông minh, thiếu hiểu biết? Vì đâu mà nàng để đến nỗi dính dấp vào một chuyện tai tiếng đến như thế để làm đầu đề cho người ngoài đàm tiếu? Nàng muốn đạt được điều gì bằng hành động đại dột đây miệng tiếng đó? Động cơ u ám nào đã khiến nàng thả tay gạt bỏ những điều tốt lành mà cuộc đời đang đem

đến cho nàng để dán thân vào một cuộc phiêu lưu tối tăm đến vậy? Bình yên không muốn, lại muốn ba đào. Hay nghiệp chướng nào xui nên như thế? Phải chăng đã có một định mệnh an bài?

Vậy là giọt nước cuối cùng đã làm tràn cái ly đầy ắp.

Nàng đang tự dẫn mình vào một tương lai oan trái. Nàng đã tự chọn làm con chim lạc bầy.

Bây giờ thì ông hoàn toàn thoải mái. Từ nay, ông không còn cảm thấy bất cứ một trách nhiệm nào đối với tương lai của nàng. Nàng sẽ phải tự lo liệu lấy cuộc đời của mình. Ông sẽ không làm bất cứ cố gắng nào thêm nữa. Ông chỉ còn cảm thấy thương hại nàng và thâm tiếc cho nàng. Nàng đã tuột dốc thảm hại trên bảng thang giá trị tinh thần của ông.

Điều đó sẽ xóa đi tất cả những gì đã từng là thiện cảm của ông đối với nàng xưa kia. Ông đã hết còn kiên nhẫn. Ông đã hết còn cảm hứng.

Cố nhiên, sau này, khi cuộc đời đã đưa đẩy nàng đi hết con đường lựa chọn mà nàng cuối cùng lại trở về để ngã vào vòng tay ông, thì ông cũng vẫn sẽ quên đi mọi chuyện cũ và gắng sức lo cho nàng như thường, với những khả năng của ông, trong tầm giới hạn của ông. Và chắc rằng ông vẫn cứ thích sắc đẹp ngày xưa của nàng mà ông đã ghi lại được trong tâm trí, và sẽ vẫn còn bám vào một hy vọng mơ hồ nào đó là sẽ hoàn thành được bức tranh ước mơ. Nhưng ông sợ rằng nếu có bao giờ thực hiện được điều đó, thì nó cũng sẽ chỉ là một bức tranh không hồn. Vậy thì tốt nhất là vẫn cứ giữ nó mang mang trong hồn ông, để nó còn rớt lại được một chút gì gọi là thơ mộng. Và cũng để những người thường ngoạn ông được chừa cho một kinh nghiệm phũ phàng.

Bởi vì nghệ thuật đối với ông chính là tấm gương trong suốt phản ánh cuộc đời. Và không thể có cái đẹp vật chất tách rời cái đẹp tinh thần, không thể có một tác phẩm nghệ thuật xứng đáng với tên gọi nếu người nghệ sĩ không đặt vào đó hết lòng yêu thương.

**Kim Vũ** (California)

# Mùi Cơm Sôi Cạn Nước

## Cung Thị Lan

Mảnh vườn sau nhà Dung càng lúc càng buồn bã và hoang vắng trước mắt Ngọc. Cũng nơi này, vào những ngày cuối tuần trước đây, thường có sự hiện diện của di Út với giọng nói rộn rã của di khoe những trái bí mới ra, những bụi cần dày đặc, những ngọn rau lang mọc dài hay những trái ớt lớn phồng cho nên Ngọc hầu như chẳng bao giờ để ý đến những vật năng mong manh trên hàng giậu và vè yên ả của trời chiều. Bây giờ, sự vắng bóng của di trong cái thỉnh lặng của không gian đã làm nàng thần thờ chẳng khác gì tâm trạng của những người đang ngồi quanh chiếc bàn tròn trên chiếc sàn gỗ. Vợ chồng Thi Dung, vợ chồng Danh Như, và Hòa, chồng nàng, không ai nói với ai lời nào. Họ cùng nằng im lặng dồn mắt về phía di Chín và lắng nghe giọng kể buồn đều của bà:

- Bà đang ngồi xếp áo quần với di ở chỗ ghé sô pha tự dung té quy xuống thảm. Di tưởng bà bị trượt trên tấm vải trơn nên tụt xuống thảm; ai dè đợi lâu lác mà không thấy bà ngồi dậy nên lật đật chạy lại đỡ bà. Di hi hục một hồi mà không kéo bà lên ghé sô pha được nên phải gọi hai con Annie và Lilly đến phụ thêm. Con Annie nói là để nó gọi xe ambulance nhưng bà khoác tay ra hiệu không cho cứ nói bị trúng gió thôi đừng gọi. Nghe lời bà, di tìm đồng bạc các và chai dầu xanh để cạo gió cho bà. Cạo gió đâu đó xong xuôi mà bà vẫn cứ nằm xụi lơ chứ không thuyên giảm chút nào nên di bèn gọi cho con Như và thằng Danh. May sao thằng Danh vừa đi làm về nên qua liền.

Danh tiếp lời:

- Em nghe di Chín báo, tưởng đâu bà ngoại Út chỉ bị trúng gió thông thường. Ai dè đến nơi, thấy bà nằm ngay đơ nên em gọi chín một một ngay. Tụi cấp cứu đến khám chút xíu là lật đật chở bà đi liền làm em hoảng quá phải lái xe chạy

theo tụi nó. Cũng may là em bám kịp xe của tụi nó chứ tụi nó lái nhanh lắm, đèn vàng, đèn đỏ gì tụi nó cũng bang. Mà tụi nó bang thế nào em cũng bang theo thế ấy chứ nhất định không bỏ. Ông tài xế xe Ambulance thấy vậy ngừng lại, cảnh cáo em là không được chạy theo xe ông vì nguy hiểm và em không được phép. Em nói đại là nếu không cho em chạy theo thì em không biết bà Út ở đâu để tìm nên cuối cùng ông phải đành để cho em chạy theo.

- Giờ đi ở đâu? Hòa hỏi

- Ở Bệnh Viện S. tại Bethesda đó anh! Thi đáp.

- Em thấy đi ra sao? Ngọc hỏi.

- Dĩ không nói năng được nữa chị ơi. Nằm im lìm không nhúc nhích gì được. Thi trả lời với giọng buồn bã- Người ta nói di bị Stroke.

Di Chín thờ dài:

- Phải chi nghe lời con Annie gọi ambulance ngay lúc đó thì đâu đến nỗi. Cũng tại bà cần mà bây giờ mới bị trở nặng như vậy! Lúc đó di cũng lấy làm lạ là sao bà bị trúng gió mà người bà nặng như đá. Ba bà cháu hè nhau khiêng bà từ thảm lên ghé sô pha có ba bốn gang tay thôi mà khiêng muốn chết.

Dung chép miệng:

- Chẳng biết có gì mà di bị stroke. Em chỉ quan tâm đến bệnh tim của di nên dặn tụi nhỏ để ý nếu thấy Bà Út mệt là gọi chín một một ngay. Ai dè di còn bị chứng này nữa.

- Chắc tại mấy con cá khô mặn. Từ lúc di đi Việt Nam về, lần nào em sang đây cũng thấy di ăn cơm với cá khô. Như nhẹ nhàng góp lời.

- Đùng rồi. Cá gì mà mặn quá chừng mà ngày nào cũng ăn. Nói đi ăn món khác đi không nghe. Ăn mặn kiểu đó không bị cao máu cũng bị stroke, chứ sao mà tránh khỏi! Thi cần nhẫn.

Di Chín phụ thêm:

- Thi tao cũng nói bà rồi mà bà đâu có nghe tao. Không biết thêm cách gì mà ác nghiệt nên mới bị như vậy. Nhưng mà giờ có bàn tán đến đâu chẳng nữa thì mình cũng chẳng làm được gì hơn cho bà đâu. Thằng Hòa con Ngọc chưa thăm bà



được thì ngày mai tới đây đi với thằng Thi con Dung. Chiều nào đi làm về tụi nó cũng vào thăm bà hết, không phải lo lắng quá như vậy. Còn giờ thì để tao vô lấy gói vịt với cháo cho tụi bây ăn.

Dứt lời, dì Chín đi vào bếp. Dung và Như vội vã đứng lên, đi theo sau. Một lát sau, họ trở lại với bốn chiếc đĩa đầy thức ăn và tuần tự đặt chúng trên chiếc bàn tròn. Những đĩa cải bắp trộn làm tăng nỗi cảm xúc bồi hồi đang dâng lên trong lòng Ngọc. Món gói trộn gồm cải bắp cải trắng, rau răm xanh, đậu phộng vàng đâm nhỏ và ớt đỏ xắt lát, cùng với các loại thịt gà, thịt vịt hay đồ biển là món ăn đặc thù mà dì Út thường tiếp đãi cho những người mà dì gọi là con cháu trong những buổi chiều thứ bảy hay chủ nhật. Bởi quen với hương vị chua chua và giòn ngọt, cay cay và béo béo của món ăn này, Ngọc thường ứa nước bọt khi nâng nhìn vào sự tương phản mà hài hòa của các màu sắc trong món ăn; thế mà, vị giác ấy hôm nay hoàn toàn biến mất trong vòm miệng khô đắng của nàng. Càng nhìn chúng, nàng càng cảm thấy buồn ngùi thương nhớ dì Út hơn.

Ngọc quen dì Út từ khi ở chung cư Park Road tại vùng Tây Bắc của Hoa Thịnh Đốn. Giống như dì Chín và đa số người Việt trong chung cư này, dì Út được Mỹ bảo lãnh theo diện gia đình có con lai; tuy nhiên, hai người con và cháu đi cùng dì đến Mỹ đều dọn ra ở riêng nơi khác nên dì phải ở kế với dì Tư, một gia đình cũng có con lai trước phòng Ngọc. Dì Út thuê chỗ này cốt để đặt chiếc giường và đồ đạc do hội bảo trợ cho chú ít khi ở. Khi Hùng, người con trai lai của dì lấy vợ ở bang khác và Như, đứa cháu gái của dì, lấy chồng và chung sống với gia đình chồng, dì nhận việc làm ngay. Công việc của dì là giữ trẻ và dì phải ở lại nhà chủ để vừa làm công việc nhà vừa giữ con cho họ. Chủ của dì chỉ cho dì nghỉ hai lần trong tháng. Họ thường chở dì về chung cư vào tối thứ sáu rồi đón đi chiều chủ nhật của những tuần đầu và cuối của mỗi tháng. Cách hai tuần, dì Út được về lại chung cư một lần nhưng chẳng bao giờ dì nghỉ ngơi, coi vô tuyến hay coi phim bộ như những người đồng trang lứa.

Dì thường đi chợ Việt Nam hay chợ Đại Hàn gần đó mua sắm rồi về nấu nướng luôn tay. Sau khi xong việc, dì đem thức ăn đến phòng của những người Việt quen biết để biếu đồng thời thăm viếng họ. Gia đình Ngọc không được Mỹ bảo lãnh theo diện gia đình có con lai nhưng vẫn được có phần thức ăn đi nấu cho như chè đậu ván, xôi đậu xanh, bánh ít dừa đậu phộng mỗi khi đi đến viếng. Có lẽ do Ngọc thường chăm chú lắng nghe lời tâm sự của dì và thường dịch giấy tờ dùm dì nên dì không bỏ sót lần ghé thăm nào khi về lại chung cư. Có lần dì nói với Ngọc là dì xem những người có con lai là bà con giòng họ với dì bởi cha của những người này cũng là người Mỹ như cha của người con lai của dì. Dì nói là dì thường lui tới gia đình dì Chín nhất trong khu chung cư bởi vì tính tình dì Chín đàng hoàng ngay thẳng và vì dì Chín có Thi, đứa con rê lai đen. Dì nói là mỗi lần dì nhìn Thi, dì nhớ nhớ Hùng, đứa con lai của mình. Nhờ tiếp xúc với dì Út, Ngọc quen biết thêm nhiều người trong khu chung cư nàng ở và gửi được đứa con trai Út của nàng cho dì Chín giữ dùm. Qua giao tiếp với nhiều người đồng hương trong chung cư, Ngọc cảm thấy tình cảm mình gắn bó với họ ngày càng sâu đậm và không hề muốn dọn ra khỏi nơi đây khi chồng nàng gọi ý mua nhà. Không khác gì quan niệm của dì Út, nàng thực sự xem nơi mình đang sinh sống như một cái làng kiêu mới của người Việt và những người sống ở đó như bà con cật ruột của nàng. Sự tự quân của các gia đình người Việt ở đây cho nàng cảm giác như đang ở trên đất nước của mình và người ngoại nổi nhớ quê hương. Có lẽ có cùng tâm trạng không muốn sống xa rời nhau mà khi có điều kiện tài chính, vợ chồng Thi Dung, và vợ chồng Danh Như đồng tâm với vợ chồng nàng mua nhà tại một nơi mà ba gia đình có thể giao tiếp với nhau thường xuyên. Họ đã chọn Silver Spring của Maryland là nơi định cư và nhà nọ cách nhà kia chừng năm hay mười phút lái xe. Sau khi tậu được căn nhà có bốn phòng rộng rãi, vợ chồng Thi Dung mời dì Út về ở chung để bầu bạn cùng dì Chín. Họ cho dì ở một căn phòng dưới tầng hầm cạnh phòng khách nơi đặt bar rượu và có cửa ra vào thông ra vườn sau.

Di Út, lúc bấy giờ không còn đi giữ trẻ vì được hưởng trợ cấp tàn tật. Di được trợ cấp này vì đôi mắt của di bị hỏng nặng theo xác nhận của bác sĩ. Thực tế, di vẫn thấy mờ mờ nhờ cặp kính thuốc đặc biệt cho nên di chẳng từ bỏ những việc làm theo sở thích của mình. Thú vui của di là chăm tía vườn rau hoa quanh nhà của Dung Thi và làm những món ăn của Việt Nam như bánh ít, bánh dứa, chè xôi nước, chuối chung, xôi đậu và các món ăn mặn khác cùng với di Chín. Cả hai thường quán quít bên nhau khi nấu nướng, thăm vườn hay uống cà phê tâm sự chuyện đời. Họ thường mở những băng hình mà họ thu khi về thăm Việt Nam rồi kể cho nhau nghe những người bà con giòng họ và con cái của họ. Đến nhà Thi Dung, Ngọc thường được xem băng thu hình của di Chín và di Út cho nên nàng biết mặt hết cả những người thân của họ dù chưa từng gặp ai và cả quang cảnh nhà cũ và mới của họ ở Việt Nam. Khi di Út giới thiệu căn nhà mà di mới xây cho chồng di, Ngọc vừa cảm kích cái nghĩa vợ chồng mà di dành cho ông bằng số tiền dành dụm từ công việc giữ trẻ khổ cực của di, vừa cảm thấy vui khi biết di đã tạo cho ông một chỗ ở tương đối đầy đủ và tiện nghi nơi quê nhà. Ngọc nhớ là khi còn ở chung cư Park Road, di thường kể cho nàng nghe về tình cảnh của người đàn ông này luôn. Khi chia cho nàng coi tấm hình căn nhà tranh xiêu vẹo, di rung rung nói là di phải để ông ở lại một mình trong cảnh hiu quạnh và khổ sở vì ông không chịu rời bỏ xóm làng. Di còn cho biết là di phải ra đi với đứa con riêng của di vì tương lai của nó và để di có cơ hội làm việc ở Mỹ để giúp ông. Di nói là di có cả thầy ba đời chồng. Người chồng đầu tiên chết trận đã để lại cho di năm đứa con với tình cảnh góa bụa và nghèo nàn. Để tìm nơi nương tựa, di đã lập gia đình với người đàn ông Mỹ và có thêm một đứa con trai là Hùng. Người chồng thứ hai của di có chức vị rất cao trong quân đội Mỹ và hết lòng thương yêu di cũng như con riêng lẫn con ruột của ông nhưng di không muốn rời bà con xóm nên nhất quyết từ chối chuyện theo ông về nước trước biển cổ năm 1975. Di nói là số di rất đào hoa, cho nên cảnh đói nghèo sau ngày đất nước thống nhất và

luật mỗi gia đình chỉ có hai con không thể ảnh hưởng đến phần số này. Vào năm 1980, di đã quyết định bước thêm một bước nữa và có thêm một người con gái với người chồng thứ ba. Khi di kể chuyện, Ngọc thường chăm chú như đang nghe chuyện tiểu thuyết hấp dẫn. Những tình tiết của câu chuyện có khi làm nàng ngắt lời bằng những câu hỏi nhưng thường thì nàng yên lặng để nghe di nói. Cái yên lặng lâu nhất của nàng là khi nàng nghe di thổ lộ về số vốn mà di nhờ đứa cháu trai của di gửi ngân hàng Việt Nam. Nàng phân vân không hiểu sao di lo lắng chuyện lâu dài và xa xôi đến độ phải gửi hết vốn liếng về tận Việt Nam nhưng không dám hỏi. Nàng chỉ đoán rằng di muốn về lại Việt Nam để trọn nghĩa vợ chồng với người chồng thứ ba của di và dùng số lời ngân hàng từ vốn liếng của mình cho sự chi tiêu của cả hai sau này. Đáng tiếc thay, di khó có thể thực hiện ý nguyện của mình trong tình trạng bại絮 hiện thời. Nghĩ đến đó, Ngọc trở nên chán chường vì cho rằng những gì thuộc về nhân định ít khi được thành hình dưới bàn tay của thượng đế. Dù sao, nàng cảm thấy yên tâm khi nghĩ đến chương trình chăm sóc sức khỏe và trợ cấp tàn tật mà di Út hiện đang nhận được từ chính phủ Mỹ. Cho dù di ở phòng cấp cứu, nội khoa hay khu chữa bệnh nào của bệnh viện thì các chi phí này đều sẽ được chính phủ Mỹ thanh toán chi trả. Ngoài ra, di còn có tiền trợ cấp tàn tật hàng tháng để chi dùng trong những chuyện cần thiết.

\*

Chiều tối ngày thứ hai hôm ấy Ngọc đã cùng chồng nàng, vợ chồng Thi Dung và vợ chồng Danh Như đến bệnh viện S. thăm di Út. Cùng họ, nàng đã ghé phòng cấp cứu, tới phòng chỉ dẫn, lên lầu bốn rồi đi dọc theo hành lang dài để đi sang một khu cao ốc khác của bệnh viện. Sau khi lần la hỏi thăm nhân viên làm việc và các cô y tá quanh đó, nàng được đưa đến phòng điều trị khẩn cấp nơi di Út đang nằm trên chiếc giường nệm cao màu trắng trong chiếc chăn mỏng cùng màu. Khác với thể nằm bất động và ngay ngắn của người mắc chứng tai biến mạch máu não trong sự tưởng tượng của Ngọc, di Út trước mắt nàng nằm lệch một bên giường với nhiều sợi dây từ bình

truyền dịch và máy đo tim. Chiếc chăn phủ màu trắng che chỉ hai phần tấm thân trần của dì chốc chốc nhấp nhô theo cử động bên trong. Có lẽ dì biết thân thể mình đang nửa trần nửa kín mà ra sức dùng tay hay chân trong đó đẩy chiếc chăn phủ kín người hơn. Khuôn mặt nặng nề của dì toát lên nỗi thất vọng khi nhận ra người đến gần nơi mình nằm mà sự cố gắng không được hiệu quả. Khi nghe Ngọc nói “Dì Út ơi! Tụi con đến thăm dì nè!” ánh mắt dì thoáng vẻ mừng rỡ trên khuôn mặt đã mất hết vẻ tươi vui và linh hoạt thường có. Những thớ thịt trên má trên môi trên mí mắt của dì hoàn toàn bị chày nhão và cả cái miệng hay cười của dì bị méo lệch về một bên. Cố gắng nhếch môi, dì nói:

“Mấy đứa đó hả?”

“Dạ, tụi con thăm bà đây. Bà khỏe được chút nào không bà ngoại Út?” Danh mau mắn đáp.

Nghe tiếng đàn ông, dù đàn ông chỉ là con cháu, chiếc chăn phủ dì Út phập phùng nhấp nhô lên xuống nhiều hơn. Có lẽ do ái ngại nên dì cố gắng dùng tay hất miếng chăn lên trên phần hở trần. Khôn thay, dì càng dốc lực bao nhiêu thì chiếc chăn càng lúc càng trệ xuống và vùng ngực trần của dì lộ ra bấy nhiêu. Hiểu ý dì, cả ba người đàn ông, Hòa, Danh và Thi tăng lời đi quanh phòng trong lúc Dung, Như và Ngọc kéo các mép chăn ngay ngắn và che lên đến tận cổ của dì.

Ngọc bàn: “Hay là mình khiêng dì Út vào giữa giường đi Dung Như. Chứ thấy dì nằm xéo kiểu này thấy khó chịu quá. Chắc dì không thấy thoải mái khi nằm như vậy đâu.”

Miêng nói, tay làm, nâng lòn hai cánh tay vào ngay trong tấm chăn rồi gọi hai người đàn bà kia cùng làm theo mình. Khi luồn đôi bàn tay dưới đôi chân dì để cùng Dung và Như dịch người dì Út vào bên trong, nàng nhận ra là dì chỉ mặc mỗi chiếc tả và nằm trên một tấm lót. Hai người đàn bà này cũng nhận ra điều này khi họ cùng gắng sức chuyển dịch. Thấy họ loay hoay mãi mà không thể nào suy suyển đi được chút nào, nên cả Hòa, Danh và Thi đều phải phụ tay vào. Ba người đàn ông này đã ghi cái giường thật chặt, tét gọn những sợi dây vào trong bản tay và nắm cả chân lẫn người để cùng đặt dì nằm ngay ngắn ở chính

giữa giường. Trong khi di chuyển dì với vẻ khó nhọc, Ngọc chợt nhớ lời dì Chín. Khi nghe dì Chín tả sức nặng của dì Út sau khi đột quy nàng nghĩ đó chỉ là lời nói phóng đại. Còn hiện tại nàng trải qua thực tế hết sức thật và phù phàng. Mơ hồ suy đoán những bấp thịch nhũn xụi đã gây cho dì Út một sức nặng ghê hồn và sức nặng này đã tạo một sự vất vả và khó khăn cho người chăm sóc dì, Ngọc thấy lòng vô cùng buồn chán và thất vọng.

“Tao muốn đi cầu mà nãy giờ xuống giường không được. Mắc cầu lâu rồi mà không dám đi.” Miệng dì Út nhấp từng chữ như đứa trẻ mới tập nói.

“Trời ơi! Đến nước này mà dì còn ngại gì nữa? Dì muốn tiêu hay tiểu gì cứ việc đi đi! Chứ như vậy làm sao dì xuống giường? Làm sao dì kéo mấy cái dây và cái máy này vào phòng cầu được chứ?” Dung nhằn.

“Y tá ở đây có lương tâm lắm dì à. Họ thông cảm cho người bệnh lắm cho nên dì muốn tiêu tiểu gì thì đi chứ đừng ngại. Với lại dì có tả lót mà ngại gì? Có mắc thì đi tụi con dọn cho.” Như khuyên.

Dì Út không trả lời ai. Im lặng một lúc dì hỏi: “Ai ngồi bên đó vậy?”

“Dạ, anh Hòa đó dì.” Ngọc đáp.

“Không phải. Tao nói thằng nhỏ nào đang ngồi bên kia vậy tay đó kia?”

“Thằng nhỏ nào đâu?” Ngọc hỏi với đôi mắt ngạc nhiên.

“Thằng đó đó!” Dì Út hất mặt về cánh cửa sổ.

“Dạ đâu có thằng nhỏ nào ở đây đâu bà. Mấy đứa nhỏ của con ở nhà với bà nội hết rồi.” Như nói.

“Má con muốn thăm dì lắm mà phải ở nhà trông mấy đứa nhỏ nên không thăm đi được. Để hôm khác con chở má con vào thăm dì.” Dung tiếp lời.

“Vậy thằng nhỏ đó có phải con của con Ngọc thằng Hòa không?” Dì Út hỏi với vẻ ngờ ngạc.

“Dạ đâu có đâu dì. Mấy đứa nhỏ của con cũng ở nhà cả.” Ngọc đáp.

“Tụi con đi nhiều quá cứ sợ mấy người ở bệnh viện không cho vào nên không đem đứa nhỏ nào theo hết đi à.” Hòa phụ thêm.

“Tụi con định luân phiên vào thăm dì mà không ngờ cô y tá cho vào thăm hết đó chứ!” Thi nói.

“Thôi đừng ở đây lâu. Về lo cho mấy đứa nhỏ đi mấy con.” Di Út nói với giọng như người máy hết pin. Mắt di từ từ nhú lại và di nói bằng sự cố gắng hết sức: “Về đi con. Về nhà với mấy cháu đi.”

“Chắc thuốc thắm nên di Út buồn ngủ rồi. Minh cũng nên về thôi.”

“Vậy thì tui con về để Út nghỉ. Hôm nào tui con vào thăm Út nữa nghe!”

“Bà Út ráng tỉnh dưỡng để sớm về nhà với tui con nghe bà Út!”

Mỗi người chào mỗi cách còn Ngọc không nói gì khi ra khỏi phòng. Nỗi thất vọng hoàn toàn chế ngự trong lòng nàng. Đây là lần đầu tiên nàng trông thấy tận mắt người bị chứng tai biến mạch máu não như thế nào. Với sự chứng kiến của mình, nàng không hề tin là di Út có thể bình phục và về nhà dễ dàng như lời chúc phúc của người thăm. Hơn thế, nàng còn lo lắng tình trạng nửa mê nửa tỉnh của di khi di nói về thẳng bẻ nào đó trong căn phòng.

\*

Sau lần thăm đầu tiên, Ngọc đã cùng chồng nàng đến bệnh viện S. thăm di Út thêm hai lần nữa. Trong hai lần thăm này, Ngọc không còn thấy máy đo tim trong phòng nhưng di Út vẫn còn được truyền nước biển. Di trông có vẻ linh lợi hơn lần thăm đầu nhưng khuôn mặt vẫn còn nét nặng nề và chiếc miệng vẫn bị méo lệch. Mặc dù nói rất chậm, di không ngừng kể cho Ngọc những gì xảy ra trong những ngày trong phòng điều trị. Sau khi nói đến sự chăm sóc tận tâm của các y tá, di buồn rầu cầm cánh tay trái nâng lên bỏ xuống rồi than:

“Không hiểu sao mà giờ cánh tay này không thể đưa lên được. Cả ống chân trái cũng vậy. Di cố gắng hoài mà chẳng nhích nó lên được chút nào.”

Ngọc khuyên:

“Những người bị tai biến mạch máu não thường bị như vậy hết đó di. Hoặc là họ bị liệt bên phải, hoặc là họ liệt bên trái tùy bán cầu não nào bị hủy hoại. Có người còn bị liệt toàn thân hay bị mất mạng nữa. Di chỉ bị một bên và được chữa trị cấp thời nên không đến nỗi nào đâu. Từ từ bác sĩ cũng giúp di khôi phục lại sức khỏe mà.

Họ đã chữa nhiều chắc có nhiều kinh nghiệm, di đừng lo.”

Di Út chép miệng:

“Bệnh gì chứ bệnh này di thấy cực cho y tá quá. Thấy tui nó chăm sóc mình mà mình vừa thấy thương vừa thấy tội làm sao.”

Đăm chiêu một lúc di nói tiếp:

“Cực chẳng đã bị như vậy nên phải chịu chứ không biết làm sao đây. Di định nói Dung đưa di tiền để di biếu cho mấy cô y tá mỗi người vài chục mà không biết họ có chịu nhận cho không. Đưa cho họ thì cũng lo họ bị la vì tội nhận tiền của người bệnh cho nên di không biết làm sao.”

“Con có thể cho di mượn tiền để biếu mấy cô y tá nhưng con không hiểu là di có nên làm thế không. Bởi vì cán sự xã hội trong bệnh viện này biết di có trợ cấp tàn tật và hết lòng giúp di làm hồ sơ để chuyển di đến viện dưỡng lão V thì các bác sĩ và y tá ở đây cũng biết hoàn cảnh di rồi. Họ làm cho di vì thương di và vì lòng nhân đạo chứ không nghĩ sự đền đáp ơn đâu. Di đừng lo lắng nữa mà gây thêm bệnh.

Ngọc đã hết lòng khuyên nhủ di Út như thế, nhưng nàng suy nghĩ hoài cụm từ “Cực chẳng đã...” mà di đề cập. Trước đây di Út thường lập đi lập lại nhiều lần câu “Cực chẳng đã di mới nhờ hai con như chứ di chẳng muốn làm phiền hai con đâu. Di biết các con bận lắm!” khi di nhờ chồng nàng hay nàng dịch giấy tờ, làm đơn từ hay đi đây đó với di để thông dịch dùm. Ngọc hiểu sự day dứt của di và những chữ “vạn bất đắc dĩ” mà di thường đề cập. Nàng còn hiểu là nếu vì hoàn cảnh mà một cá nhân không có khả năng hay hạn chế trong một lãnh vực nào đó, sẽ lấy làm áy náy khi phải nhờ vả hay hỏi giúp ai đó nhiều lần. Theo sự suy nghĩ của Ngọc, không biết tiếng Anh có thể coi là một sự bất lực về ngôn ngữ của một người di dân trong việc giao tiếp với người bản xứ. Tuy nhiên, sự không có khả năng sử dụng ngôn ngữ khác với tiếng mẹ đẻ chỉ là một hạn chế nhỏ trong những hạn chế và bất lực khác của con người. Bất lực đối với việc điều khiển thân thể sẽ khiến cho những người cần trợ giúp vật và tinh thần nhiều hơn. Một người trước đây từng nhanh nhẹn và

tháo vát như dì Út bỗng trở nên bất lực trong việc đi đứng nằm ngồi cầm nắm, thì sự chán nản càng khủng khiếp hơn và to lớn hơn. Qua tâm tình, Ngọc hiểu nỗi khổ tâm của dì do ảnh hưởng quan niệm xưa của người Việt. Trong quan niệm này, cha mẹ già yếu thường nhờ vả vào con ruột, đặc biệt là con gái ruột. Người già, nếu chẳng may không có con gái hay không có đứa con nào, phải nhờ vào sự giúp đỡ của con trai hay bà con hàng xóm thì sự phụ thuộc của họ trở thành một nỗi bận tâm và day dứt khôn nguôi. Bởi vì lường trước tình trạng khó khăn của tuổi già ở xứ người, và tình trạng không biết tiếng Anh của mình trong khi chạy vạy vào sự giúp đỡ của người bản xứ, dì Út đã quyết định dùng số tiền mà dì tạo nên từ việc làm khổ nhọc của mình dành cho những ngày cuối cuộc đời tại quê hương. Giờ đây, dự định của dì hoàn toàn bất thành và cái dự phòng không làm phiền người lạ trở thành mối bận lòng khi hàng ngày dì nhận sự chăm sóc từ những người y tá. Mừng tự gọi mình là dì, một người chỉ bị liệt nửa người và trí óc vẫn còn sáng suốt, đang nhận sự thay tã, rửa ráy lau chùi hay đút mớm của những người mà đáng ra chỉ làm công việc thuộc về y khoa, Ngọc vừa thông cảm tâm trạng của dì Út vừa cảm thấy ngao ngán. Tuy nhiên, nàng đã hết lòng an ủi dì để dì không phải bận trí thêm.

\*

Nỗi lo âu của dì Út càng lớn hơn khi dì được chuyển đến viện dưỡng lão V. Dì nói với Ngọc ngay trong lần thăm đầu tiên tại đây:

“Khi không mắc chứng bệnh này để phải làm phiền mấy đứa y tá. Có chân, có tay mà không đi được, không làm gì được để phải phiền tội nó đi thiệt không biết phải làm sao.”

Liếc sang người điều dưỡng nam đang dọn những thức ăn thừa, Ngọc hỏi:

“Có phải mấy người điều dưỡng nam trong viện dưỡng lão này cũng chăm sóc chuyện tiểu tiện cho dì phải không?”

“Đúng vậy đó. Thấy nó chăm sóc mình mà đi ngại gì đâu!”

“Thì dì cứ nghĩ ảnh là con ruột của mình để khỏi áy náy!” Ngọc định an ủi dì bằng lời như thế nhưng khi nghĩ con trai dì không bao giờ chăm sóc dì như những người điều dưỡng tại đây nên nàng nói trở đi:

“Đó là phận hành của y tá và điều dưỡng mà dì! Họ làm quen rồi không suy nghĩ gì đâu dì ơi! Bác sĩ đỡ đở ở đây cũng toàn đàn ông không, có sao đâu! Tại mình quen lối Việt Nam, làm gì cũng nhất nhất phải là đàn bà làm cho đàn bà nên phải bận tâm thôi.”

Không nghe dì Út trả lời, Ngọc đành gọi chuyện tiếp:

“Nói vậy, anh hồi này vừa cho dì ăn đó hả?”

“Ừ! Thằng đó tội lắm. Hôm trước dì cố gắng bò xuống giường để đi tiểu nào ngờ bị té nó phải đỡ dì lên. Nó la đi qua trời. Nó bắt dì bấm chuông khi có việc cần chứ không được xuống giường nữa. Nó mới khuyên dì ráng ăn để khỏi bệnh đó chứ, mà dì không ăn được nên bảo nó đem đi. Mấy thức ăn này mà phải có mấy đứa con của con ở đây chắc tội nó thích ăn lắm. Còn dì không muốn ăn tí nào.”

“Dù cho dì không muốn ăn cũng ráng ăn chút nhịn hoài làm sao khỏi bệnh? Mà mấy đứa con của con đang đứng ở đây chứ ở nhà đâu mà dì nói ‘phải có mấy đứa con của con ở đây’? Tội nó vừa chào dì mà dì không nhớ sao?”

Đảo mắt nhìn quanh một lúc, dì Út nhìn ba đứa con trai của Ngọc đang đứng yên lặng bên cha bên cạnh tấm màn chắn ngang giữa hai chiếc giường, nói với giọng ngạc nhiên: “Ừa? Vậy mấy đứa nhỏ đứng đây này giờ đó hả? Vậy mà bà có biết đâu!” Rồi dì nhìn thẳng vào mặt Ngọc: “Hồi này thì tao thấy một thằng nhỏ đứng ngoài kia gọi tao ra ngoài đó chơi mà tao có đứng dậy nổi đâu mà đi chơi với nó.”

(Còn tiếp))

**CUNG THỊ LAN**

(Maryland)